

Số: 12 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-BGTVT ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 113/TTr-SGTVT ngày 31/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Đăng kiểm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải xây dựng và phê duyệt quy trình nội bộ đối với thủ tục hành chính tại Điều 1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử và cập nhật trên Hệ thống thông tin

giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Quyết định được ký ban hành.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT TT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, HCC, KTN, TTTT;
- Lưu: VT, NC-KSTT.Linh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Sơn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

| STT | Mã TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết | | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) | | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | | Ghi chú |
|-----|----------|--|---|---|---|---|----------------------|---|--|-------------|---------|
| | | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | | Các đơn vị liên quan | | Tiếp nhận hồ sơ | Trả kết quả | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 | 1.013089 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu | Trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn | Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | Cơ sở đăng kiểm: Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | | Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định | | | |

| STT | Mã TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết | | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) | | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | | Ghi chú |
|-----|----------|--|--|---|--------------|---|----------------------|--|--|-------------|---------|
| | | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | | Các đơn vị liên quan | | Tiếp nhận hồ sơ | Trả kết quả | |
| 2 | 1.013092 | Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng | Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng | | Cơ sở đăng kiểm <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được | | Giá dịch vụ in lại giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định tem kiểm định xe cơ giới. | | | |

| STT | Mã TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết | | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) | | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | | Ghi chú |
|-----|----------|---------------------------------|--|---|--------------|---|----------------------|--|--|-------------|---------|
| | | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | | Các đơn vị liên quan | | Tiếp nhận hồ sơ | Trả kết quả | |
| 3 | 1.013097 | Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo | Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến | <p>- Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.</p> <p>- Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ</p> | | <p>Cơ sở đăng kiểm:</p> <p>- Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.</p> <p>- Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới</p> | | <p>- Lệ phí cấp GCN: 40.000 đồng/01 GCN, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 GCN.</p> <p>- Giá dịch vụ kiểm định ATKT&BVMT đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo TT số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và TT số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của</p> | X | X | |

| STT | Mã TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết | | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) | | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | | Ghi chú |
|-----|----------|---|--|---|--------------|---|----------------------|-------------|--|-------------|---------|
| | | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | | Các đơn vị liên quan | | Tiếp nhận hồ sơ | Trả kết quả | |
| 4 | 1.013101 | Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến | | Cơ sở đăng kiểm: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến | | | Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính | | |

| STT | Mã TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết | | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) | | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | | Ghi chú |
|-----|----------|--|-------------------|---|--------------|--|---|-------------|--|-------------|---------|
| | | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | | Các đơn vị liên quan | | Tiếp nhận hồ sơ | Trả kết quả | |
| 5 | 1.013105 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | MC | <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. | | Sở GTVT | <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. | Không có | x | x | |

| STT | Mã TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết | | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) | | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | | Ghi chú |
|-----|----------|--|-------------------|--|--------------|---|----------------------|-------------|--|-------------|---------|
| | | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | | Các đơn vị liên quan | | Tiếp nhận hồ sơ | Trả kết quả | |
| 6 | 1.013110 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | MC | <p>- Trường hợp cấp lại do GCN đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.</p> <p>- Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi GCN đủ điều kiện hoạt động</p> | | <p>Sở GTVT</p> <p>- Trường hợp cấp lại do GCN đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.</p> <p>- Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi GCN đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô</p> | | Không có | x | x | |

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

| STT | Mã TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết | | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) | | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | | Ghi chú |
|-----|----------|--|--|--|--------------|--|-----------------|---|--|------|---------|
| | | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | Các đơn vị liên quan | Tiếp nhận hồ sơ | | Trả kết quả | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| 1 | 1.005103 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) | Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến | -Thời hạn kiểm tra, đánh giá hs: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; -Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: +Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định. +Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: +Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; +Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra. | | Cơ sở đăng kiểm: -Thời hạn kiểm tra, đánh giá hs: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: +Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định. +Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: +Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; +Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra. | | - Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 GCN kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 GCNKĐ. - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | | | |

| STT | Mã TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết | | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) | | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | | Ghi chú |
|-----|----------|---|-------------------|---|--------------|---|----------------------|-------------|--|-------------|---------|
| | | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | | Các đơn vị liên quan | | Tiếp nhận hồ sơ | Trả kết quả | |
| 2 | 1.001322 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | MC | <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. | | <p>Sở GTVT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. | | Không có | x | x | |

| STT | Mã TTHC | Lĩnh vực/Thủ tục hành chính | Cơ chế giải quyết | Thời hạn giải quyết | | Thời hạn giải quyết của các cơ quan (Sau cắt giảm) | | Phí, lệ phí | Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích | | Ghi chú |
|-----|----------|---|-------------------|---|--------------|--|----------------------|-------------|--|-------------|---------|
| | | | | Theo quy định | Sau cắt giảm | | Các đơn vị liên quan | | Tiếp nhận hồ sơ | Trả kết quả | |
| 3 | 1.001296 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | MC | <p>- Cấp lại do bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyên kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyên kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.</p> <p>- Cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyên kiểm định; thay đổi loại dây chuyên kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi GCN đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: +Tiếp nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hs. + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). + Cấp GCN: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.</p> | | <p>Sở GTVT:</p> <p>- Cấp lại do bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyên kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyên kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.</p> <p>- Cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyên kiểm định; thay đổi loại dây chuyên kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi GCN đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: +Tiếp nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hs. + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). + Cấp GCN: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.</p> | | Không có | X | X | |

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính bị thay thế | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế | Cơ quan thực hiện |
|--|---------------|---|--|--|-------------------|
| Thủ tục hành chính do địa phương giải quyết | | | | | |
| 1 | 1.001261 | Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) | Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Cơ sở đăng kiểm |
| 2 | 1.004325 | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ | | | |
| 3 | 1.005005 | Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ | | | |
| 4 | 1.005018 | Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo | Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo | Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Cơ sở đăng kiểm |
| 5 | 1.012323 | Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng cải tạo | | | |

4. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải

| ST | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ | Cơ quan thực hiện |
|----|---------------|---------------------------------------|--|-------------------|
| 1 | 1.001001 | Thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới | Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Sở GTVT |

Ghi chú:

- Nơi tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang;
- Địa chỉ: Trụ sở Liên cơ quan, Quảng trường 3/2, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang,
- Website: <http://hcc.bacgiang.gov.vn>; Số điện thoại lễ tân/tổng đài: (0204) 3531.111 - (0204) 3831.818

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: <https://mienkd.vr.org.vn>.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra hồ sơ như sau:

+ Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp: nếu không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; nếu xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định theo quy định của Nghị định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới (sau đây gọi là xe bị từ chối kiểm định) hoặc đã được cấp miễn kiểm định lần đầu, thông báo gửi trực tiếp cho chủ xe. Nếu hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định và xe chưa được cấp miễn kiểm định lần đầu, lập phiếu kiểm soát kiểm định.

+ Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến.

- Cơ sở đăng kiểm lập phiếu hồ sơ phương tiện.

- Cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: <https://mienkd.vr.org.vn>.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp

+ Bản chà số khung, số động cơ của xe;

+ Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước).

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe.

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

1.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;

- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối tượng miễn kiểm định lần đầu là xe chưa qua sử dụng có năm sản xuất đến năm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận kiểm định dưới 02 năm (năm sản xuất cộng 01 năm) và không bao gồm: xe đã cải tạo; xe không có trong cơ sở dữ liệu xe sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

- Không áp dụng với đối tượng xe mô tô, xe gắn máy.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Về nội dung: Tiếp nhận hồ sơ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ
 Kiểm tra, đánh giá xe Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe:

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện⁽¹⁾:

.....

II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt⁽²⁾:

.....

III. Thông tin khác: ⁽³⁾:

.....

IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá: Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

.....

Cơ sở đăng kiểm thông báo để chủ xe
 được biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhân:

- Như kính gửi;

- Lưu ...

....., ngày tháng ... năm ...

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:


⁽¹⁾ Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;

⁽²⁾ Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;

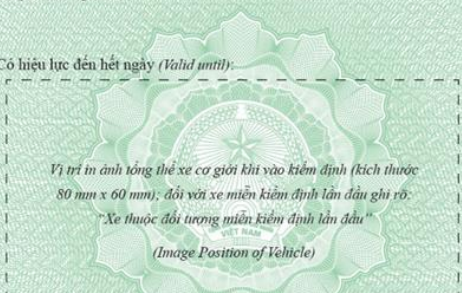
⁽³⁾ Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH

Mẫu số 01. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu xanh lá cây dùng cho xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường

| | |
|--|--|
| <p align="center">CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i></p> <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện, chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không can thiệp trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <div style="text-align: center;">  <p>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM MOT – Vietnam Register</p> <p>Ng: (số seri)</p> <p>CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI</p> <p>PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> </div> <p>Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện:</p> <p><i>(Registration plate) (Vehicle inspection N°)</i></p> <p>Nhóm phương tiện (Vehicle's group):</p> <p>Loại phương tiện (Vehicle's type):</p> <p>Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: <input type="checkbox"/></p> <p><i>(Clean, green energy vehicle)</i></p> <p>Cho phép tự động hóa (Allows automation): <input type="checkbox"/> Một phần (Partially) <input type="checkbox"/> Toàn phần (Fully)</p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại:</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại (Model code):</p> <p>Số động cơ (Engine N°):</p> <p>Số khung (Chassis N°):</p> <p>Năm / Nước sản xuất: / Niêm hạn sử dụng:</p> <p><i>(Production year / Country) (Lifetime Limit to)</i></p> <p>Có kinh doanh vận tải (Commercial use): <input type="checkbox"/> Có cải tạo (Modification): <input type="checkbox"/></p> |
|--|--|

1. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định

| | |
|--|---|
| <p align="center">THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)</p> <p>Công thức bánh xe: Vết bánh xe: (mm) <i>(Wheel formula) (Wheel tread)</i></p> <p>Kích thước bao (Overall dimensions): (mm)</p> <p>Kích thước lồng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: (mm) <i>(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)</i></p> <p>Khoảng cách trục (Wheel base): (mm)</p> <p>Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg)</p> <p>Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: / (kg) <i>(Design/Authorized cargo pay mass)</i></p> <p>Khối lượng kéo theo TK/CP LN: / (kg) <i>(Design/Authorized towed mass)</i></p> <p>Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: (kg) <i>(Design/Authorized total mass)</i></p> <p>Số người cho phép chở; chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm: <i>(Permissible No of pers carried, not include driver; seating standing lying)</i></p> <p>Loại động cơ đốt trong (Engine type):</p> <p>Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i></p> <p>- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): (kW/rpm)</p> <p>- Loại nhiên liệu (Fuel):</p> <p>Loại động cơ điện (Motor type):</p> <p>- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:</p> <p><i>(Number of motors, motor model)</i></p> <p>- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i></p> <p>- Loại ắc quy/điện áp-đựng lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i></p> <p>Ng: (số seri)</p> | <p>Số lượng lốp/cỡ lốp/trục (The number of tires / tire size / axle):</p> <p>..... ngày tháng năm</p> <p><i>(Issued on: Day/Month/Year)</i></p> <p align="center">CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER)</p> <p>Số phiếu kiểm định <i>(Inspection report N°)</i></p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until):</p> <div style="border: 1px dashed black; padding: 10px; text-align: center;">  <p><i>Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</i></p> <p><i>(Image Position of Vehicle)</i></p> </div> <p>Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with tachograph) <input type="checkbox"/></p> <p>Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera) <input type="checkbox"/></p> <p>PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú (Notes): (1)</p> <p>xxxxxxxx (2)</p> |
|--|---|

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽²⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định**Chú thích:**

⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;


⁽²⁾: In biển số xe được cấp tem kiểm định;

⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác

| CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i> | BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM MOT – Vietnam Register |
|---|---|
| <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.</p> <p><i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.</p> <p><i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.</p> <p><i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.</p> <p><i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.</p> <p><i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.</p> <p><i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <p>CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI</p> <p>PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> <p>Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện:</p> <p><i>(Registration plate) (Vehicle inspection N^o)</i></p> <p>Nhóm phương tiện <i>(Vehicle's group)</i>:</p> <p>Loại phương tiện <i>(Vehicle's type)</i>:</p> <p>Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: <input type="checkbox"/></p> <p><i>(Clean, green energy vehicle)</i></p> <p>Cho phép tự động hóa <i>(Allows automation)</i>: <input type="checkbox"/> Một phần <i>(Partially)</i> <input type="checkbox"/> Toàn phần <i>(Fully)</i></p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại: /</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại <i>(Model code)</i>:</p> <p>Số động cơ <i>(Engine N^o)</i>: /</p> <p>Số khung <i>(Chassis N^o)</i>:</p> <p>Năm / Nước sản xuất: / Niên hạn sử dụng:</p> <p><i>(Production year / Country) (Lifetime Limit to)</i></p> <p>Có kinh doanh vận tải <i>(Commercial use)</i>: <input type="checkbox"/> Có cải tạo <i>(Modification)</i>: <input type="checkbox"/></p> |

1. Mẫu Giấy chứng nhận

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS) | Số lượng lốp/cỡ lốp/trục <i>(The number of tires / tire size / axle):</i> |
|--|---|
| Công thức bánh xe: Vết bánh xe: / (mm) <i>(Wheel formula) (Wheel tread)</i> | ngày tháng năm |
| Kích thước bao <i>(Overall dimensions)</i> : (mm) | <i>(Issued on: Day/Month/Year)</i> |
| Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: (mm) <i>(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)</i> | CƠ SỞ ĐĂNG KÝ (INSPECTION CENTER) |
| Khoảng cách trục <i>(Wheel base)</i> : (mm) | Số phiếu kiểm định <i>(Inspection report N^o)</i> |
| Khối lượng bản thân <i>(Kerb mass)</i> : (kg) | Có hiệu lực đến hết ngày <i>(Valid until)</i> : |
| Khối lượng hàng CC theo TK/CPLN: / (kg) <i>(Design/Authorized cargo pay mass)</i> |  <p>Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm), đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</p> <p><i>(Image Position of Vehicle)</i></p> |
| Khối lượng kéo theo TK/CP LN: / (kg) <i>(Design/Authorized towed mass)</i> | Có lắp thiết bị giám sát hành trình <i>(Equipped with tachograph)</i> <input type="checkbox"/> |
| Khối lượng toàn bộ theo TK/CPLN: / (kg) <i>(Design/Authorized total mass)</i> | Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe <i>(Equipped with camera)</i> <input type="checkbox"/> |
| Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm: <i>(Permissible No of pers carried, not include driver: seating, standing, lying)</i> | PT không được cấp Tem kiểm định <i>(Vehicle not issued with inspection stamp)</i> <input type="checkbox"/> |
| Loại động cơ đốt trong <i>(Engine type)</i> : | Ghi chú <i>(Notes)</i> : (1) |
| Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm ³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i> | xxxxxxx (2) |
| - Công suất lớn nhất/tốc độ quay <i>(Max output/rpm)</i> : (kW/rpm) | |
| - Loại nhiên liệu <i>(Fuel)</i> : | |
| Loại động cơ điện <i>(Motor type)</i> : | |
| - Số lượng, ký hiệu động cơ điện: <i>(Number of motors, motor model)</i> | |
| - Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i> | |
| - Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i> | |
| Ng: (số seri) | |

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽²⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.


2. Tem kiểm định**Chú thích:**

⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

⁽²⁾: In biển số xe được cấp tem kiểm định;

⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

| | |
|--|---|
| <p style="text-align: center;">CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i></p> <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <div style="text-align: center;">  <p>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register</p> <p>No: AA</p> <p>CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DỤNG</p> <p>PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> </div> <p>Điền đăng ký: Số quản lý phương tiện:</p> <p><i>(Registration plate) (Vehicle inspection No)</i></p> <p>Loại XMCD (TCM's type):</p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại: /</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại (Model code):</p> <p>Số động cơ (Engine No): /</p> <p>Số khung (Chassis No): /</p> <p>Năm / Nước sản xuất: /</p> <p><i>(Production year / Country)</i></p> <p>Có cải tạo (Modification): <input type="checkbox"/></p> |
| <p>1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specifications)</p> <p>Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg)</p> <p>Khối lượng toàn bộ (Gross mass): (kg)</p> <p>Kích thước bao (Overall Dimensions): (mm)</p> <p>Loại động cơ đốt trong (Engine type):</p> <p>- Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i></p> <p>- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): (kW/rpm)</p> <p>- Loại nhiên liệu (Fuel):</p> <p>- Loại động cơ điện (Motor type):</p> <p>- Số lượng, ký hiệu động cơ điện: <i>(Number of motors, motor model)</i></p> <p>- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i></p> <p>- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i></p> <p>Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max. travelling speed): (km/h)</p> <p>2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specifications)⁽¹⁾</p> | <p>Ngày / Địa điểm kiểm định: <i>(Inspection Date / Site)</i></p> <p>Số biên bản kiểm định: <i>(Inspection Report No)</i></p> <p>..... ngày tháng năm</p> <p><i>(Issued on: Day/Month/Year)</i></p> <p style="text-align: center;">CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER)</p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày: <i>(Valid until):</i></p> <div style="border: 1px dashed black; padding: 10px; text-align: center;"> <p>Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng <i>(kích thước 80 mm x 60 mm), đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</i></p> <p><i>(Image Position of TCM)</i></p> </div> <p>PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú (Notes): ⁽²⁾</p> <p style="text-align: right;">xxxxxxx⁽³⁾</p> |

1. Mẫu Giấy chứng nhận

Chú thích:

⁽¹⁾: Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

⁽²⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽³⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.



2. Tem kiểm định

Chú thích:

- ⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
⁽²⁾: In biển số xe được cấp tem kiểm định;
⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

Trình tự, thủ tục cấp lại thực hiện như sau

- Trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đồng thời thu lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai;

- Trường hợp tem kiểm định bị hỏng nhưng có đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe hoặc giấy chứng nhận kiểm định bị mất, bị hỏng, cơ sở đăng kiểm cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định trong ngày kể từ khi nhận được hồ sơ; đồng thời thu lại giấy chứng nhận kiểm định (trừ trường hợp giấy chứng nhận kiểm định bị mất);

- Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất, cơ sở đăng kiểm lập giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định, đăng tải thông tin báo mất trên phần mềm quản lý kiểm định. Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;

- Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

2.8. Phí, lệ phí:

- Giá dịch vụ in lại giấy chứng nhận: 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định tem kiểm định xe cơ giới.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định;
- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Việc cấp lại được thực hiện trong các trường hợp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định bị sai thông tin, bị hỏng, bị mất. Chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra, đánh giá lại.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;
- Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định đối với xe cơ giới.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO

Giấy chứng nhận (GCN) kiểm định Tem kiểm định GCN cải tạo

Kính gửi:

Chủ xe:

Địa chỉ:

Người đại diện chủ xe/Tổ chức:

Số điện thoại:

Thông tin của xe:

- Biển số đăng ký hoặc số khung:

- Số giấy chứng nhận cải tạo đã cấp:

- Ký hiệu thiết kế:

- Loại phương tiện:

Lý do đề nghị cấp lại:

Kiểm định: Mất (Tem GCN) Hỏng (Tem GCN) Sai thông tin

GCN cải tạo: Mất Hỏng Sai thông tin Hết hiệu lực

Tôi (Chủ xe/Tên tổ chức) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này.

Nơi nhận

Như kính gửi;

.....;


Lưu:

Chủ xe/đại diện tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH

Mẫu số 01. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu xanh lá cây dùng cho xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường

| | |
|--|--|
| <p>CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i></p> <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định, Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không can thiệp trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ bảo quản đường đã chạy, cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <p> BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register</p> <p>Ng: (số seri)</p> <p>CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI</p> <p>PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> <p>Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện: <i>(Registration plate) (Vehicle inspection N^o)</i></p> <p>Nhóm phương tiện (Vehicle's group):</p> <p>Loại phương tiện (Vehicle's type):</p> <p>Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: <input type="checkbox"/></p> <p><i>(Clean, green energy vehicle)</i></p> <p>Cho phép tự động hóa (Allows automation): <input type="checkbox"/> Một phần (Partially) <input type="checkbox"/> Toàn phần (Fully)</p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại:</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại (Model code):</p> <p>Số động cơ (Engine N^o):</p> <p>Số khung (Chassis N^o):</p> <p>Năm / Nước sản xuất: / Niên hạn sử dụng:</p> <p><i>(Production year / Country) (Lifetime Limit to)</i></p> <p>Có kinh doanh vận tải (Commercial use): <input type="checkbox"/> Có cải tạo (Modification): <input type="checkbox"/></p> |
|--|--|

1. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định

| | |
|---|---|
| <p>THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)</p> <p>Công thức bánh xe: Vết bánh xe: (mm) <i>(Wheel formula) (Wheel tread)</i></p> <p>Kích thước bao (Overall dimensions): (mm)</p> <p>Kích thước lồng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: (mm) <i>(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)</i></p> <p>Khoảng cách trục (Wheel base): (mm)</p> <p>Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg)</p> <p>Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: / (kg) <i>(Design/Authorized cargo pay mass)</i></p> <p>Khối lượng kéo theo TK/CP LN: / (kg) <i>(Design/Authorized towed mass)</i></p> <p>Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: (kg) <i>(Design/Authorized total mass)</i></p> <p>Số người cho phép chở; chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm: <i>(Permissible No of pers carried, not include driver; seating standing lying)</i></p> <p>Loại động cơ đốt trong (Engine type):</p> <p>Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i></p> <p>- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): (kW/rpm)</p> <p>- Loại nhiên liệu (Fuel):</p> <p>Loại động cơ điện (Motor type):</p> <p>- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:</p> <p><i>(Number of motors, motor model)</i></p> <p>- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i></p> <p>- Loại ắc quy/điện áp-đựng lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i></p> <p>Ng: (số seri)</p> | <p>Số lượng lốp/cỡ lốp/trục (The number of tires / tire size / axle):</p> <p>..... ngày tháng năm <i>(Issued on: Day/Month/Year)</i></p> <p>CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER)</p> <p>Số phiếu kiểm định <i>(Inspection report N^o)</i></p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until):</p> <p>Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu" <i>(Image Position of Vehicle)</i></p> <p>Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with tachograph) <input type="checkbox"/></p> <p>Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera) <input type="checkbox"/></p> <p>PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú (Notes): (1)</p> <p>xxxxxxxx (2)</p> |
|---|---|

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽²⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định**Chú thích:**

⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

⁽²⁾: In biển số xe được cấp tem kiểm định;

⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác

1. Mẫu Giấy chứng nhận

| | |
|---|---|
| <p style="text-align: center;">CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i></p> <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <p style="text-align: center;">BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register</p> <p style="text-align: center;">Ng: (số seri)</p> <p style="text-align: center;">CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI</p> <p style="text-align: center;">PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> <p>Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện:</p> <p><i>(Registration plate) (Vehicle inspection N^o)</i></p> <p>Nhóm phương tiện <i>(Vehicle's group)</i>:</p> <p>Loại phương tiện <i>(Vehicle's type)</i>:</p> <p>Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: <input type="checkbox"/></p> <p><i>(Clean, green energy vehicle)</i></p> <p>Cho phép tự động hóa <i>(Allows automation)</i>: <input type="checkbox"/> Một phần <i>(Partially)</i> <input type="checkbox"/> Toàn phần <i>(Fully)</i></p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại: /</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại <i>(Model code)</i>:</p> <p>Số động cơ <i>(Engine N^o)</i>: /</p> <p>Số khung <i>(Chassis N^o)</i>:</p> <p>Năm / Nước sản xuất: / Niên hạn sử dụng:</p> <p><i>(Production year / Country) Lifetime Limit to</i></p> <p>Có kinh doanh vận tải <i>(Commercial use)</i>: <input type="checkbox"/> Có cải tạo <i>(Modification)</i>: <input type="checkbox"/></p> |
| <p style="text-align: center;">THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)</p> <p>Công thức bánh xe: Vết bánh xe: / (mm) <i>(Wheel formula) (Wheel tread)</i></p> <p>Kích thước bao <i>(Overall dimensions)</i>: (mm)</p> <p>Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: (mm) <i>(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)</i></p> <p>Khoảng cách trục <i>(Wheel base)</i>: (mm)</p> <p>Khối lượng bản thân <i>(Kerb mass)</i>: (kg)</p> <p>Khối lượng hàng CC theo TK/CPLN: / (kg) <i>(Design/Authorized cargo pay mass)</i></p> <p>Khối lượng kéo theo TK/CPLN: / (kg) <i>(Design/Authorized towed mass)</i></p> <p>Khối lượng toàn bộ theo TK/CPLN: / (kg) <i>(Design/Authorized total mass)</i></p> <p>Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm: <i>(Permissible No of pers carried, not include driver: seating, standing, lying)</i></p> <p>Loại động cơ đốt trong <i>(Engine type)</i>:</p> <p>Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i></p> <p>- Công suất lớn nhất/tốc độ quay <i>(Max. output/rpm)</i>: (kW/rpm)</p> <p>- Loại nhiên liệu <i>(Fuel)</i>:</p> <p>Loại động cơ điện <i>(Motor type)</i>:</p> <p>- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:</p> <p><i>(Number of motors, motor model)</i></p> <p>- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i></p> <p>- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i></p> <p>Ng: (số seri)</p> | <p>Số lượng lốp/cỡ lốp/trục <i>(The number of tires / tire size / axle)</i>: ngày tháng năm <i>(Issued on: Day/Month/Year)</i></p> <p style="text-align: center;">CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM <i>(INSPECTION CENTER)</i></p> <p>Số phiếu kiểm định <i>(Inspection report N^o)</i></p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày <i>(Valid until)</i>:</p> <div style="border: 1px dashed black; padding: 10px; text-align: center;"> <p><i>Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</i></p> <p><i>(Image Position of Vehicle)</i></p> </div> <p>Có lắp thiết bị giám sát hành trình <i>(Equipped with tachograph)</i> <input type="checkbox"/></p> <p>Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe <i>(Equipped with camera)</i> <input type="checkbox"/></p> <p>PT không được cấp Tem kiểm định <i>(Vehicle not issued with inspection stamp)</i> <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú <i>(Notes)</i>: (1)</p> <p>xxxxxxxx (2)</p> |

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽²⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.


2. Tem kiểm định**Chú thích:**

⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

⁽²⁾: In biển số xe được cấp tem kiểm định;

⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

| | |
|--|---|
| <p style="text-align: center;">CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i></p> <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <p style="text-align: center;"> BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register</p> <p style="text-align: center;">No: AA</p> <p style="text-align: center;">CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DỤNG</p> <p style="text-align: center;">PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> <p>Điền đăng ký: Số quản lý phương tiện:</p> <p><i>(Registration plate) (Vehicle inspection No)</i></p> <p>Loại XMCD (TCM's type):</p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại: /</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại (Model code):</p> <p>Số động cơ (Engine No): /</p> <p>Số khung (Chassis No):</p> <p>Năm / Nước sản xuất: /</p> <p><i>(Production year / Country)</i></p> <p>Có cải tạo (Modification): <input type="checkbox"/></p> |
| <p>1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specifications)</p> <p>Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg)</p> <p>Khối lượng toàn bộ (Gross mass): (kg)</p> <p>Kích thước bao (Overall Dimensions): (mm)</p> <p>Loại động cơ đốt trong (Engine type):</p> <p>- Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i></p> <p>- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): (kW/rpm)</p> <p>- Loại nhiên liệu (Fuel):</p> <p>- Loại động cơ điện (Motor type):</p> <p>- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:</p> <p><i>(Number of motors, motor model)</i></p> <p>- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i></p> <p>- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i></p> <p>Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max. travelling speed): (km/h)</p> <p>2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specifications)⁽¹⁾</p> | <p>Ngày / Địa điểm kiểm định: <i>(Inspection Date / Site)</i></p> <p>Số biên bản kiểm định: <i>(Inspection Report No)</i></p> <p>..... ngày tháng năm</p> <p><i>(Issued on: Day/Month/Year)</i></p> <p style="text-align: center;">CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER)</p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày: <i>(Valid until):</i></p> <p style="text-align: center;">Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng <i>(kích thước 80 mm x 60 mm), đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</i> <i>(Image Position of TCM)</i></p> <p>PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú (Notes): ⁽²⁾</p> <p style="text-align: right;">xxxxxxx⁽³⁾</p> |

1. Mẫu Giấy chứng nhận

Chú thích:

(1): Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

(2): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(3): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.



2. Tem kiểm định

Chú thích:

- (1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- (2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- (3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

3. Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ đề nghị cấp lại đến Cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

** Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin*

- Cơ sở đăng kiểm thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận cải tạo trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.

** Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật*

- Cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra đối chiếu các thông số kỹ thuật của xe cơ giới thực tế với giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo (hoặc dữ liệu lưu trữ trong phần mềm quản lý cải tạo xe nếu chủ xe không xuất trình được giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo đã được cấp), trường hợp phù hợp thì cấp lại giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo cho chủ xe; trường hợp không phù hợp, cơ sở đăng kiểm cấp thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin*

- Giấy tờ phải nộp:

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

+ Giấy chứng nhận cải tạo bị hỏng hoặc bị sai thông tin.

- Giấy tờ phải xuất trình: giấy tờ về đăng ký xe (gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe) hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

** Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật*

- Giấy tờ phải nộp:

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;

+ Giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Giấy tờ phải xuất trình: giấy tờ về đăng ký xe (gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe) hoặc bản chính chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.

- Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận cải tạo.

3.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu;

- Mẫu Giấy chứng nhận cải tạo.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận cải tạo được cấp lại trong các trường hợp: bị mất, hỏng, sai thông tin. Chủ xe không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra, đánh giá lại.
- Giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cải tạo, chủ xe có nhu cầu cấp lại để thực hiện việc cấp đổi chứng nhận đăng ký. Chủ xe phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm tra đối chiếu với giấy chứng nhận cải tạo.

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;
- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM
KIỂM ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM
ĐỊNH; GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**

Giấy chứng nhận (GCN) kiểm định Tem kiểm định GCN cải tạo

Kính gửi:

Chủ xe:

Địa chỉ:

Người đại diện chủ xe/Tổ chức:

Số điện thoại:

Thông tin của xe:

- Biển số đăng ký hoặc số khung:

- Số giấy chứng nhận cải tạo đã cấp:

- Ký hiệu thiết kế:

- Loại phương tiện:

Lý do đề nghị cấp lại:

Kiểm định: Mất (Tem GCN) Hỏng (Tem GCN) Sai thông tin

GCN cải tạo: Mất Hỏng Sai thông tin Hết hiệu lực

Tôi (Chủ xe/Tên tổ chức) hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung đơn đề nghị này.

Nơi nhận

Như kính gửi;

.....;

Lưu:

Chủ xe/đại diện tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO

Mẫu số 01. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽¹⁾.....

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ngày
 .../.../.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số: ngày
 .../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT⁽²⁾

| S | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Xe cơ giới trước cải tạo | Xe cơ giới sau cải tạo |
|---|--|--------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1 | Loại phương tiện | --- | | |
| 2 | Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường | --- | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Có |

| | | | | |
|-----|---|-------|---|---|
| 3 | Cho phép tự động hóa điều khiển | --- | <input type="checkbox"/> Một phần <input type="checkbox"/> Toàn phần | <input type="checkbox"/> Một phần <input type="checkbox"/> Toàn phần |
| 4 | Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao) | mm | | |
| 5 | Khoảng cách trục | mm | | |
| 6 | Vết bánh xe (trước/sau) | mm | | |
| 7 | Khối lượng bản thân | kg | | |
| 8 | Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái) | người | | |
| 9 | Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông | kg | | |
| 10 | Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông | kg | | |
| 11 | Động cơ | | | |
| ... | <i>Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới nếu có thay đổi do cải tạo</i> | | | |

Xe cơ giới đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

⁽¹⁾ Ghi số giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXCG. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXCG.

⁽²⁾ Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe cơ giới và điền vào bảng.

Mẫu số 02. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.....⁽¹⁾.....**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE MÁY CHUYÊN DỤNG CẢI TẠO**

Biên số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ngày
.../.../.....Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKTK & BVMT xe cải tạo số: ngày
.../.../.....**NỘI DUNG CẢI TẠO**

.....

.....

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ⁽²⁾

| STT | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Xe máy chuyên dùng trước cải tạo | Xe máy chuyên dùng sau cải tạo |
|-----|-----------------------------------|--------|----------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Loại phương tiện | | | |
| 2 | Kích thước bao (dài x rộng x cao) | mm | | |
| 3 | Ký hiệu/loại động cơ | | | |
| 4 | Công suất lớn nhất/tốc độ | kW/rpm | | |

| | | | | |
|---|---------------------|----|--|--|
| | quay | | | |
| 5 | Khối lượng bản thân | kg | | |

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

| STT | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Xe máy chuyên dùng trước cải tạo | Xe máy chuyên dùng sau cải tạo |
|-----|-------------------|--------|----------------------------------|--------------------------------|
| 1 | | | | |

Xe máy chuyên dùng đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

⁽¹⁾ Ghi số giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMD. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMD.

⁽²⁾ Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe máy chuyên dùng và điền vào bảng.

Mẫu số 03. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe mô tô, xe gắn máy**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.....⁽¹⁾**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:
ngày .../.../.....Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKTKT & BVMT xe cải tạo số: ngày
.../.../.....**NỘI DUNG CẢI TẠO**

.....

.....

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT⁽²⁾

| S | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo | Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo |
|---|-----------------------------------|--------|---|--|
| 1 | Loại phương tiện | | | |
| 2 | Kích thước bao (dài x rộng x cao) | mm | | |
| 3 | Chiều dài cơ sở | mm | | |
| 4 | Khối lượng bản thân | kg | | |
| 5 | Số người cho phép chở | người | | |

| | | | | |
|-------|--|----|--|--|
| 6 | Khối lượng toàn bộ | kg | | |
| 7 | Động cơ | | | |
| | <i>Các thông số kỹ thuật khác của xe mô tô, xe gắn máy nếu có thay đổi</i> | | | |

Xe mô tô, xe gắn máy đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

⁽¹⁾ Ghi số giấy chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMM. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMM.

⁽²⁾ Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe mô tô, xe gắn máy và điền vào bảng.

4. Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại Cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ, tra cứu thông tin của xe mô tô, xe gắn máy trên phần mềm quản lý kiểm định và đối chiếu chứng nhận đăng ký xe với xe mô tô, xe gắn máy thực tế: trường hợp xe thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp xe không thuộc trường hợp bị từ chối kiểm định, lập phiếu kiểm soát kiểm định.

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm định khí thải ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ, nếu kết quả kiểm định không đạt yêu cầu, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp kết quả đạt yêu cầu thì cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định khí thải theo thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm xác nhận lịch hẹn kiểm định khí thải đồng thời thông báo với chủ xe về thời gian thực hiện kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến thì cơ sở đăng kiểm thực hiện với trường hợp nhận trực tiếp.

- Chứng nhận kiểm định khí thải cấp cho xe mô tô, xe gắn máy là bản điện tử được tích hợp dữ liệu với tài khoản định danh điện tử của chủ xe, cụ thể như sau: + Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu.

+ Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy định kỳ.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Chủ xe xuất trình một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

4.8. Phí, lệ phí:

- Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đối với các xe mô tô, xe gắn máy có thời gian tính từ năm sản xuất đến 05 năm, chủ xe không phải nộp hồ sơ kiểm định khí thải và không phải mang xe đến cơ sở đăng kiểm để kiểm định khí thải. Giấy chứng nhận kiểm định khí thải đối với các xe mô tô, xe gắn máy được Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện cấp trên phần mềm quản lý kiểm định trên cơ sở kết quả chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu lấy từ dữ liệu lưu trữ của Cục Đăng kiểm Việt Nam kết hợp cơ sở dữ liệu về đăng ký, quản lý xe cơ giới của Bộ Công an.
- Áp dụng đối với xe mô tô, xe gắn máy có thời gian tính từ năm sản xuất trên 05 năm.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Mẫu Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy lần đầu

| | |
|--|---|
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY LẦN ĐẦU | |
| Số: ⁽¹⁾ | |
| Biển số đăng ký:..... | Loại phương tiện:..... |
| Nhãn hiệu:..... | Tên thương mại:..... |
| Năm/Nước sản xuất:..... | Mã kiểu loại:..... |
| Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: <input type="checkbox"/> | |
| Cho phép tự động hóa: <input type="checkbox"/> Một phần / <input type="checkbox"/> Toàn phần | |
| Số khung:..... | Số ô tô:..... |
| Khối lượng bản thân/toàn bộ:...../..... | Số người ngồi (kể cả người lái):..... |
| Ký hiệu động cơ:..... | Tiêu chuẩn khí thải:.....cm ³ |
| Loại động cơ:..... | Số nhiên liệu:..... |
| Công suất lớn nhất:..... | Áp suất nhiên liệu:..... |
| Ký hiệu động cơ điện:..... | Áp dụng lực:.....V-Ah |
| Loại động cơ điện:..... | Áp suất của động cơ điện:.....kW |
| Có hiệu lực đến hết ngày:...../...../..... |ngày.....tháng.....năm..... |
| CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM | |

Chú thích:

⁽¹⁾ Số giấy chứng nhận được cấp theo cấu trúc sau: “VR/XX/YYYYYYY”, trong đó:

- “VR”: tên viết tắt của Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- “XX”: gồm 02 ký tự bằng số thể hiện 02 số cuối của năm cấp miễn kiểm định khí thải;
- “YYYYYYY”: gồm 07 ký tự bằng số thể hiện số thứ tự xe mô tô, xe gắn máy được cấp miễn kiểm định khí thải trong năm.

Ví dụ: Xe thứ 1234567 được cấp miễn trong năm 2025 thì số giấy chứng nhận: VR/25/1234567.

Mẫu Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy định kỳ

| | |
|---|---|
| CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM MÃ SỐ:..... ⁽¹⁾ | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY ĐỊNH KỲ | |
| Số:..... ⁽²⁾ | |
| Biển số đăng ký:..... | Loại phương tiện:..... |
| Nhãn hiệu:..... | Tên thương mại:..... |
| Năm/Nước sản xuất:..... | Mã kiểm định:..... |
| Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: <input type="checkbox"/> | |
| Cho phép tự động hóa:..... | <input type="checkbox"/> Một phần / <input type="checkbox"/> Toàn phần |
| Số khung:..... | Số động cơ:..... |
| Khối lượng bản thân/toàn bộ:..... | Số người ngồi (kể cả người lái):..... |
| Ký hiệu động cơ:..... | Thể tích xi-lanh:.....cm ³ |
| Loại động cơ:..... | Loại nhiên liệu:..... |
| Công suất lớn nhất:..... | |
| Ký hiệu động cơ điện:..... | Áp suất áp dụng bơm:.....V-Ah |
| Loại động cơ điện:..... | Điện áp của động cơ điện:.....kW |
| Có hiệu lực đến hết ngày:..... |ngày.....tháng.....năm..... |
| CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM | |

Chú thích:

- (1) Mã số cơ sở đăng kiểm;
- (2) Số giấy chứng nhận được cấp gồm 03 phần được ngăn cách với nhau bởi dấu “/” theo cấu trúc sau:
- Phần 1: mã số cơ sở đăng kiểm;
 - Phần 2: gồm 02 ký tự bằng số thể hiện 02 số cuối của năm kiểm định khí thải;
 - Phần 3: gồm 05 ký tự bằng số thể hiện số thứ tự xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải trong năm tại cơ sở đăng kiểm hoặc cơ sở kiểm định khí thải.

Ví dụ: 2903V/25/12345, 29034/25/99999, 280001XM/25/45678.

5. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (sau đây gọi tắt là cơ sở kiểm định khí thải) nộp bộ hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tới Sở Giao thông vận tải địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế;

+ Trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ như sau:

+ Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy đề ghi nhận vào biên bản;

+ Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá, ghi nhận các nội dung tương ứng vào biên bản.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản và gửi cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; mã số cơ sở kiểm định khí thải.

- Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu

+ Việc khắc phục và kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, đề tiếp tục, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;

+ Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải gửi văn bản đề nghị theo mẫu tới Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện các bước kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, nêu rõ lý do không đạt và kết luận cơ sở kiểm định khí thải không đủ điều kiện hoạt động, dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
- Bản vẽ bố trí chung của cơ sở kiểm định khí thải thể hiện được vị trí kiểm tra;
- Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu;
- Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).

- Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

5.8. Phí, lệ phí:

- Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị;
- Mẫu Danh sách trích ngang;
- Mẫu Danh sách thiết bị;
- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
 ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**

- Kiểm định xe cơ giới** **Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy**

Kính gửi:⁽²⁾

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Email:
4. Đề nghị:

Cấp mới

Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất:

- Lý do cấp lại: Mất Hỏng Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số):.....
⁽¹⁾ cam kết các thông tin trên là chính xác.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu...

**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG
 KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM**⁽¹⁾
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

⁽²⁾ Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định
ngày ... tháng ... năm của ...)*

| TT | Nội dung | Quy định | Theo thực tế |
|----|---|--|--------------|
| 1 | Diện tích khu vực kiểm định khí thải | $\geq 15\text{m}^2$ tương ứng với 01 phương tiện đo khí thải | |
| 2 | Các thông tin niêm yết theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Có | |
| 3 | Khu vực chờ và trả kết quả kiểm định | Có | |
| 4 | Khu vực kiểm định | Có | |
| 5 | Camera giám sát khu vực kiểm định khí thải | Có | |

....⁽¹⁾ cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức
thành lập cơ sở kiểm định khí thải⁽²⁾**
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải;

⁽²⁾ Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải đối với trường hợp kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu | Chức danh/ chức vụ | Số Chứng chỉ ĐKV | Kỹ luật (Có/Không/ Thời hạn) | Điện thoại | Ghi chú |
|-------------------------------|-----------|----------|---|-----------------------|---------------------|------------------------------------|------------|---------|
| I. Bộ phận lãnh đạo | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| II. Bộ phận kiểm định | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| III. Bộ phận văn phòng | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

| TT | Tên thiết bị | Nhãn hiệu | Số seri | Năm sản xuất | Xuất xứ | Tình trạng⁽¹⁾ | Ghi chú |
|-----------|---------------------|------------------|----------------|---------------------|----------------|---------------------------------|----------------|
| 1 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

Số: ...⁽¹⁾...

Căn cứ⁽²⁾

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy số⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm;

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải số⁽⁴⁾, ngày tháng năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy...⁽⁵⁾...

Địa chỉ⁽⁶⁾:

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải⁽⁷⁾:

Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy cưỡng bức (động cơ xăng)

Số lượng thiết bị kiểm tra:

Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy do nén (động cơ diesel)

Số lượng thiết bị kiểm tra:

Cơ sở kiểm định khí thải có trách nhiệm duy trì cơ sở vật chất kỹ thuật đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận theo quy định./.

....., ngày tháng năm

.....⁽⁸⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

⁽²⁾ Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

⁽³⁾ Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Số biên bản đánh giá;

⁽⁵⁾ Mã số cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

⁽⁶⁾ Địa chỉ của cơ sở kiểm định khí thải;

⁽⁷⁾ Chỉ ghi các nội dung được chứng nhận;

⁽⁸⁾ Chức danh, họ tên của người ký giấy chứng nhận.

6. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC :

- Cơ sở kiểm định khí thải nộp hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tới Sở Giao thông vận tải địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

** Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính:*

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, lập thông báo cho cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

** Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:*

- Tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc; nếu chưa đầy đủ theo quy định, hướng dẫn cơ sở kiểm định khí thải hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế;

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho cơ sở kiểm định khí thải; nếu đầy đủ theo quy định, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ như sau:

+ Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy để ghi nhận vào biên bản;

+ Kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá, ghi nhận các nội dung tương ứng vào biên bản.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản và gửi cho tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; mã số cơ sở kiểm định khí thải (Mã số cơ sở kiểm định khí thải ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây).

- Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu

+ Việc khắc phục và kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, để tiếp tục, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;

+ Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải gửi văn bản đề nghị theo mẫu tới Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện các bước kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, nêu rõ lý do không đạt và kết luận cơ sở kiểm định khí thải không đủ điều kiện hoạt động, dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất: Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị hỏng:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
 - + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị hỏng;
- Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi thông tin địa giới hành chính ghi trên giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
 - + Tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính.
- Trường hợp cấp lại do cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:
 - + Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở kiểm định khí thải;
 - + Bản vẽ bố trí chung của cơ sở kiểm định khí thải thể hiện được vị trí kiểm tra;
 - + Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu;
 - + Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.
- Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy:
 - + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
 - + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).
 - + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Biên bản kiểm tra, đánh giá;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

6.8. Phí, lệ phí: Không có.**6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Mẫu Văn bản đề nghị;
- Mẫu Danh sách trích ngang;
- Mẫu Danh sách thiết bị;
- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật;
- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
 ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**

- Kiểm định xe cơ giới** **Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy**

Kính gửi:⁽²⁾

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Email:
4. Đề nghị:

Cấp mới

Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất:

- Lý do cấp lại: Mất Hỏng Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số):.....
⁽¹⁾ cam kết các thông tin trên là chính xác.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu...

**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG
 KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM⁽¹⁾**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

⁽²⁾ Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI

*(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định
ngày ... tháng ... năm của ...)*

| TT | Nội dung | Quy định | Theo thực tế |
|----|---|--|--------------|
| 1 | Diện tích khu vực kiểm định khí thải | $\geq 15\text{m}^2$ tương ứng với 01 phương tiện đo khí thải | |
| 2 | Các thông tin niêm yết theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Có | |
| 3 | Khu vực chờ và trả kết quả kiểm định | Có | |
| 4 | Khu vực kiểm định | Có | |
| 5 | Camera giám sát khu vực kiểm định khí thải | Có | |

....⁽¹⁾ cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức
thành lập cơ sở kiểm định khí thải⁽²⁾**
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở kiểm định khí thải/Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải;

⁽²⁾ Tổ chức thành lập cơ sở kiểm định khí thải đối với trường hợp kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu | Chức danh/ chức vụ | Số Chứng chỉ ĐKV | Kỷ luật (Có/Không/ Thời hạn) | Điện thoại | Ghi chú |
|-------------------------------|-----------|----------|---|-----------------------|---------------------|------------------------------------|------------|---------|
| I. Bộ phận lãnh đạo | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| II. Bộ phận kiểm định | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| III. Bộ phận văn phòng | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

MẪU DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

| TT | Tên thiết bị | Nhãn hiệu | Số seri | Năm sản xuất | Xuất xứ | Tình trạng⁽¹⁾ | Ghi chú |
|-----------|---------------------|------------------|----------------|---------------------|----------------|---------------------------------|----------------|
| 1 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**

Số: ...⁽¹⁾...

Căn cứ⁽²⁾

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy số⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm;

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá cơ sở kiểm định khí thải số⁽⁴⁾, ngày tháng năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy...⁽⁵⁾...

Địa chỉ⁽⁶⁾:

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải⁽⁷⁾:

Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy cưỡng bức (động cơ xăng)

Số lượng thiết bị kiểm tra:

Xe mô tô, xe gắn máy sử dụng động cơ cháy do nén (động cơ diesel)

Số lượng thiết bị kiểm tra:

Cơ sở kiểm định khí thải có trách nhiệm duy trì cơ sở vật chất kỹ thuật đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận theo quy định./.

....., ngày tháng năm

.....⁽⁸⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

⁽²⁾ Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

⁽³⁾ Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Số biên bản đánh giá;

⁽⁵⁾ Mã số cơ sở được cấp giấy chứng nhận;

⁽⁶⁾ Địa chỉ của cơ sở kiểm định khí thải;

⁽⁷⁾ Chỉ ghi các nội dung được chứng nhận;

⁽⁸⁾ Chức danh, họ tên của người ký giấy chứng nhận.

7. Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

** Thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ*

- Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp: cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ ngay trong ngày nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

+ Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; trường hợp xe bị từ chối kiểm định thì lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định thì lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe;

+ Kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; đối với xe bị từ chối kiểm định, xe không thuộc đối tượng kiểm định, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm không đáp ứng quy định, lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, xe thuộc đối tượng kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm đáp ứng quy định, lập giấy hẹn lịch kiểm định gửi cho chủ xe; lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến và gửi thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ hoặc lịch hẹn đưa xe đến kiểm định cho chủ xe qua hệ thống bưu chính hoặc trên hệ thống trực tuyến.

- Trường hợp xe chưa có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì cơ sở đăng kiểm lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe để làm căn cứ lập hồ sơ phương tiện.

** Thực hiện kiểm tra, đánh giá xe cơ giới*

- Cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu xe thực tế với giấy tờ về đăng ký xe: trường hợp có sự sai khác, thông báo cho chủ xe; trường hợp không có sự sai khác, lập phiếu hồ sơ phương tiện đối với trường hợp kiểm định lần đầu và thực hiện việc kiểm tra, đánh giá xe.

- Việc kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới phải được thực hiện đầy đủ các hạng mục quy định tại Quy chuẩn về kiểm định xe cơ giới và thực hiện theo 05 công đoạn sau:

+ Công đoạn 1: kiểm tra nhận dạng, tổng quát;

+ Công đoạn 2: kiểm tra phần trên của phương tiện;

- + Công đoạn 3: kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang;
- + Công đoạn 4: kiểm tra môi trường;
- + Công đoạn 5: kiểm tra phần dưới của phương tiện.

Việc kiểm tra, đánh giá hạng mục kiểm tra hiệu quả phanh, trượt ngang đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm được thực hiện trên đường, cơ sở đăng kiểm ghi nhận kết quả trong phiếu kiểm tra phanh, trượt ngang và đính kèm cùng với phiếu kiểm định xe cơ giới khi kết thúc kiểm tra.

- Cơ sở đăng kiểm thực hiện chụp ảnh xe cơ giới tại địa điểm thực hiện kiểm định, đảm bảo ảnh chụp có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh).

- Kết quả kiểm định được thể hiện trên phiếu kiểm định xe cơ giới và được xử lý như sau:

+ Xe được thực hiện các quy trình để cấp giấy chứng nhận kiểm định khi không có khiếm khuyết hoặc chỉ có khiếm khuyết, hư hỏng không quan trọng (MiD);

+ Xe phải sửa chữa để kiểm định lại khi có khiếm khuyết, hư hỏng quan trọng (MaD);

+ Xe không được tham gia giao thông và phải sửa chữa để kiểm định lại khi có khiếm khuyết, hư hỏng nguy hiểm (DD).

- Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt đối với trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm:

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm thực hiện lập thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày thì cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; đối với xe cơ giới có kết quả kiểm tra, đánh giá ở các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh, hệ thống lái, đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh, hệ thống lái. Trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định.

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, dán tem kiểm định; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

- Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không

đạt đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm thực hiện lập thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày, cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; đối với xe cơ giới có kết quả kiểm tra, đánh giá ở các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh, hệ thống lái, đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh, hệ thống lái. Trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định.

+ Trường hợp xe cơ giới có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định và gửi cho chủ xe; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp kiểm định lần đầu

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

+ Bản chà số khung, số động cơ của xe;

+ Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước);

+ Bản chính giấy chứng nhận cải tạo của xe (đối với xe cải tạo).

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị

nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

* Trường hợp kiểm định định kỳ

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

+ Bản chà số khung, số động cơ của xe (đối với xe có thay đổi số khung, số động cơ).

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

* Trường hợp kiểm định đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời

- Xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ: xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

- Xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải:

+ Giấy tờ xuất trình: bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời;

+ Giấy tờ phải nộp:

(1) Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải, bản thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải theo mẫu;

(2) Bản dịch thuật tiếng việt có chứng thực phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài.

- Xe nhập khẩu (không thuộc trường hợp: xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ; xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải): xuất trình bản

chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;
- Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:
 - + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định.
 - + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.
- Thời hạn trả kết quả:
 - + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá;
 - + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;
- Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;
- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

7.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.
- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải; Bản Thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải;
- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm;
- Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;
- Mẫu Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;
- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Xe cơ giới đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn về kiểm định xe cơ giới;
- Không áp dụng với đối tượng xe mô tô, xe gắn máy.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;
- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ
NGHIỆM KHÍ THẢI**

CƠ SỞ NHẬP KHẨU

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

**ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ NGHIỆM KHÍ
THẢI**

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

Cơ sở nhập khẩu:

.....

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

.....

Người liên hệ: Số điện thoại:

.....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới do công ty chúng tôi nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải.

Chúng tôi xin gửi kèm văn bản này bản thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải và bản dịch thuật có chứng thực giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất chiếc xe này.

Chúng tôi cam kết các thông tin cung cấp là hoàn toàn chính xác, đồng thời cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn trong quá trình di chuyển trên đường./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

....., ngày tháng.....năm.....

Cơ sở nhập khẩu

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BẢN THÔNG SỐ KỸ THUẬT
XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU CHẠY RÀ TRƯỚC KHI THỬ NGHIỆM KHÍ
THẢI**

(Kèm theo văn bản đề nghị kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu chạy rà trước khi thử nghiệm khí thải số ngày...../...../.....)

THÔNG TIN CHUNG

| | |
|--|--|
| Cơ sở nhập khẩu: | Điện thoại: |
| Địa chỉ: | |
| Loại phương tiện: | Mã số VIN: |
| Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: | <input type="checkbox"/> |
| Cho phép tự động hóa: | <input type="checkbox"/> Một phần / <input type="checkbox"/> Toàn phần |
| Nhãn hiệu/Tên thương mại: | Mã kiểu loại: |
| Số khung: | Vị trí: |
| Số động cơ: | Vị trí: |
| Năm sản xuất: | Nước sản xuất: |

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| | |
|--|---|
| Thông số kích thước, khối lượng cơ bản | |
| Kích thước bao (DxRxC) (mm): | |
| Kích thước lòng/bao thùng xe/ bao ngoài xi téc (mm): | |
| Công thức bánh xe: | Vết bánh xe (mm): |
| Khoảng cách trục (mm): | Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái) |
| Khối lượng bản thân (kg): | Khối lượng kéo theo thiết kế/cho phép lớn nhất (kg): / |
| Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (kg): | Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất (kg): |
| Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (kg): | Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất (kg): |
| Động cơ đốt trong | |
| Ký hiệu: | Loại động cơ: |
| Loại nhiên liệu: | Thể tích làm việc (cm ³): |
| Xe hybrid: <input type="checkbox"/> Có sạc ngoài / <input type="checkbox"/> Không có sạc ngoài | Mô men xoắn lớn nhất/Tốc độ quay (N.m/rpm): |
| Công suất lớn nhất/Tốc độ quay (kW/rpm): | |
| Động cơ điện | |
| Ký hiệu: | Loại động cơ: |
| Công suất lớn nhất của động cơ điện (kW): | Loại ắc quy/điện áp-dung lượng (V-Ah): |

| | | | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------------|---------------|
| Hệ thống truyền lực | | | |
| Kiểu ly hợp: | | Dẫn động ly hợp: | |
| Kiểu hộp số chính: tiền: | Số cấp | Có hộp số phụ: | Số cấp tiến: |
| Trục dẫn hướng: | | Trục chủ động: | |
| Hệ thống lái | | | |
| Kiểu cơ cấu lái: | | Kiểu dẫn động: | |
| Hệ thống phanh | | | |
| Cơ cấu phanh: (trục 1, trục 2, ...) | | Kiểu dẫn động phanh chính: | |
| Loại phanh đỗ: | | Loại phanh hỗ trợ: | |
| Thông tin các trục | | | |
| Kiểu treo | Kiểu giảm chấn | Số lớp | Cỡ lớp |
| | | | |
| | | | |
| Thiết bị đặc trưng: | | | |
| (Mô tả thiết bị đặc trưng nếu có) | | | |

Chúng tôi cam kết bản thông số kỹ thuật này phù hợp với kiểu loại xe cơ giới đã đăng ký và chịu hoàn toàn trách nhiệm về các vấn đề phát sinh liên quan đến bản thông số này.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Người đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Email:.....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) đến kiểm định cho các phương tiện được liệt kê ở bảng sau:

| STT | Biển số | Số khung | Số máy | Ngày hết hạn kiểm định |
|-----|-----------|----------|--------|------------------------|
| 1 | 29C-12345 | | | |
| 2 | | | | |

Đường kiểm tra phanh⁽¹⁾:

Thời gian kiểm định:

Địa điểm kiểm định:

....., ngày... tháng... năm

Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾Người đề nghị mô tả thông tin về đường kiểm tra phanh gồm: chiều dài, chiều rộng, loại mặt đường.

**MẪU GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH (DÙNG CHO XE
CHỈ CÓ GIẤY HẸN CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE)**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Biển số:

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được cấp miễn kiểm định lần đầu

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được kiểm định và đáp ứng quy định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

Thông tin cơ bản của xe như sau:

- Khối lượng bản thân: (kg)

- Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất: (kg)

- Khối lượng kéo theo cho phép lớn nhất: (kg)

- Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất: (kg)

- Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm:

Ngay sau khi có giấy tờ về đăng ký xe (trừ giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký) thì chủ xe mang tới cơ sở đăng kiểm địa chỉ để nhận Giấy chứng nhận kiểm định.

....., ngàytháng... năm...

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽²⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định**Chú thích:**

⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

⁽²⁾: In biển số xe được cấp tem kiểm định;

⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 02. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu vàng cam dùng cho các xe cơ giới khác

1. Mẫu Giấy chứng nhận

| CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i> | BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM MOT – Vietnam Register |
|---|--|
| <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.</p> <p><i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.</p> <p><i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.</p> <p><i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.</p> <p><i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.</p> <p><i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.</p> <p><i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <p>CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI</p> <p>PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> |
| | <p>No: (số seri)</p> |
| | <p>Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện:</p> <p><i>(Registration plate) (Vehicle inspection N^o)</i></p> <p>Nhóm phương tiện (Vehicle's group):</p> <p>Loại phương tiện (Vehicle's type):</p> <p>Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: <input type="checkbox"/></p> <p><i>(Clean, green energy vehicle)</i></p> <p>Cho phép tự động hóa (Allows automation): <input type="checkbox"/> Một phần (Partially) <input type="checkbox"/> Toàn phần (Fully)</p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại: /</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại (Model code):</p> <p>Số động cơ (Engine N^o): /</p> <p>Số khung (Chassis N^o):</p> <p>Năm / Nước sản xuất: / Niên hạn sử dụng:</p> <p><i>(Production year / Country) (Lifetime Limit to)</i></p> <p>Có kinh doanh vận tải (Commercial use): <input type="checkbox"/> Có cải tạo (Modification): <input type="checkbox"/></p> |
| <p>THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)</p> | <p>Số lượng lốp/cỡ lốp/trục (The number of tires / tire size / axle): ngày tháng năm</p> <p><i>(Issued on: Day/Month/Year)</i></p> <p>CƠ SỞ ĐĂNG KÝ KIỂM ĐỊNH <i>(INSPECTION CENTER)</i></p> <p>Số phiếu kiểm định <i>(Inspection report N^o)</i></p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until):</p> <p style="text-align: center;"><i>Vị trí in ảnh tổng thể xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</i></p> <p style="text-align: center;"><i>(Image Position of Vehicle)</i></p> <p>Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with tachograph) <input type="checkbox"/></p> <p>Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera) <input type="checkbox"/></p> <p>PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú (Notes): (1)</p> <p>xxxxxxxx (2)</p> |
| <p>Công thức bánh xe: Vết bánh xe: / (mm)</p> <p><i>(Wheel formula) (Wheel tread)</i></p> <p>Kích thước bao (Overall dimensions): (mm)</p> <p>Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: (mm)</p> <p><i>(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)</i></p> <p>Khoảng cách trục (Wheel base): (mm)</p> <p>Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg)</p> <p>Khối lượng hàng CC theo TK/CPLN: / (kg)</p> <p><i>(Design/Authorized cargo pay mass)</i></p> <p>Khối lượng kéo theo TK/CPLN: / (kg)</p> <p><i>(Design/Authorized towed mass)</i></p> <p>Khối lượng toàn bộ theo TK/CPLN: / (kg)</p> <p><i>(Design/Authorized total mass)</i></p> <p>Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm:</p> <p><i>(Permissible No of pers carried, not include driver: seating, standing, lying)</i></p> <p>Loại động cơ đốt trong (Engine type): Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³)</p> <p><i>(Engine model) (Engine displacement)</i></p> <p>- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max. output/rpm): (kW/rpm)</p> <p>- Loại nhiên liệu (Fuel):</p> <p>Loại động cơ điện (Motor type): - Số lượng, ký hiệu động cơ điện:</p> <p><i>(Number of motors, motor model)</i></p> <p>- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW)</p> <p><i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i></p> <p>- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah)</p> <p><i>(Type of battery/voltage-capacity)</i></p> <p>Ng: (số seri)</p> | |

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽²⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định**Chú thích:**

⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

⁽²⁾: In biển số xe được cấp tem kiểm định;

⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

8. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới nộp hồ sơ đề nghị cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đến Sở Giao thông vận tải địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ

+ Trường hợp nộp trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát quá trình kiểm tra, đánh giá, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế;

+ Trường hợp nộp qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ, nếu chưa đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, lập phiếu kiểm soát quá trình kiểm tra, đánh giá, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

+ Sở Giao thông vận tải kiểm tra, đánh giá điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và lập biên bản;

+ Sở Giao thông vận tải đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tham gia kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Nội dung kiểm tra, đánh giá ghi nhận vào biên bản. Khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra, đánh giá được thay thế bằng kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp;

+ Tổng hợp kết quả và ghi nhận các nội dung.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

- + Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;
- + Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản gửi tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.
 - Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới; mã số cơ sở đăng kiểm.
 - Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu
 - + Việc khắc phục các nội dung không đạt và việc kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;
 - + Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới gửi văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá lại đến Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, kết luận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới không đủ điều kiện hoạt động đồng thời dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- * Trường hợp đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận
 - Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;
 - Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền kiểm định thể hiện đầy đủ vị trí kiểm tra, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra;
 - Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp);
 - Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu;
 - Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu;
- * Trường hợp phải đánh giá lại: Văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá lại.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).
- Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức.

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

8.8. Phí, lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị;
- Mẫu Danh sách trích ngang;
- Mẫu Danh sách thiết bị;
- Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM⁽¹⁾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**

- Kiểm định xe cơ giới** **Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy**

Kính gửi:⁽²⁾

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:Email:
4. Đề nghị:

Cấp mới

Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất:

- Lý do cấp lại: Mất Hỏng Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số):.....
.....⁽¹⁾ cam kết các thông tin trên là chính xác.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu...

**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG
KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM⁽¹⁾**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

⁽²⁾ Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định ngày ... tháng ... năm của ...)

| Tiêu chí phân loại | Đơn vị tính | Quy định | Theo thực tế |
|--|-------------|-----------------|--------------|
| I. Xưởng kiểm định | | | |
| 1. Đối với xưởng chỉ có 01 dây chuyền kiểm định: | | | |
| Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I (m) | m | 30 x 4 x 3,5 | |
| Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II (m) | m | 36 x 5 x 4,5 | |
| 2. Đối với xưởng nhiều dây chuyền kiểm định | | | |
| Khoảng cách giữa tâm hai dây chuyền cạnh nhau | | | |
| Dây chuyền số 1 đến dây chuyền số 2: | m | ≥ 4 | |
| Dây chuyền số 2 đến dây chuyền số 3: | m | ≥ 4 | |
| Dây chuyền số ... đến dây chuyền số ...: | m | ≥ 4 | |
| Khoảng cách từ tâm 2 dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất (hoặc tới mép gần nhất công trình cố định) của xưởng kiểm định | m | $\geq 2/\geq 2$ |/..... |
| Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại I | m | 30 x 3,5 | |
| Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại II | m | 36 x 4,5 | |
| II. Yêu cầu chung | | | |
| Khu vực dành cho xe chờ vào kiểm định và xe chờ cấp kết quả kiểm định | | Có | |
| Chiều rộng mặt đường nội bộ | m | ≥ 3 | |
| Nhà văn phòng | | Có | |
| Khoảng cách giữa cơ sở đăng kiểm xe cơ | m | ≥ 50 | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| giới với cơ sở giáo dục phổ thông, bệnh viện | | | |
|--|--|--|--|

....⁽¹⁾.... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập
cơ sở đăng kiểm⁽²⁾**
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

⁽²⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp đề nghị kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu | Chức danh/ chức vụ | Số Chứng chỉ ĐKV | Kỹ luật (Có/Không/ Thời hạn) | Điện thoại | Ghi chú |
|-------------------------------|-----------|----------|---|-----------------------|---------------------|------------------------------------|------------|---------|
| I. Bộ phận lãnh đạo | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| II. Bộ phận kiểm định | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| III. Bộ phận văn phòng | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

| TT | Tên thiết bị | Nhãn hiệu | Số seri | Năm sản xuất | Xuất xứ | Tình trạng⁽¹⁾ | Ghi chú |
|-----------|---------------------|------------------|----------------|---------------------|----------------|---------------------------------|----------------|
| 1 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**

Số:⁽¹⁾.....

Căn cứ ⁽²⁾

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới số ⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới số ⁽⁴⁾, ngày tháng năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới... ⁽⁵⁾ ...

Địa chỉ:

Số lượng dây chuyền kiểm định:

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại ...

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại ...

.....

Loại phương tiện xe cơ giới được kiểm định⁽⁶⁾:

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải⁽⁶⁾:

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm duy trì các nội dung đã được kiểm tra, đánh giá và chứng nhận./.

....., ngày tháng năm

.....⁽⁷⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

⁽²⁾ Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

⁽³⁾ Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Số biên bản kiểm tra, đánh giá;

⁽⁵⁾ Mã số cơ sở đăng kiểm được cấp giấy chứng nhận;

⁽⁶⁾ Phương tiện được kiểm định: ghi đặc trưng của phương tiện mà cơ sở đăng kiểm được thực hiện kiểm định (xe cơ giới; xe mô tô, xe gắn máy - ghi rõ loại động cơ). Chỉ ghi nội dung được chứng nhận;

⁽⁷⁾ Chức vụ, họ và tên của người ký giấy chứng nhận.

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới tới Sở Giao thông vận tải địa phương.

b) Giải quyết TTHC:

** Trường hợp Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyên kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyên kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động:*

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị, căn cứ hồ sơ lưu trữ, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

** Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyên kiểm định; thay đổi loại dây chuyên kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:*

- Tiếp nhận hồ sơ:

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ trong ngày làm việc, nếu chưa đầy đủ theo quy định, hướng dẫn cơ sở đăng kiểm xe cơ giới hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

+ Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra thành phần hồ sơ; nếu chưa đầy đủ theo quy định, thông báo cho cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; nếu đầy đủ theo quy định, lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ thông tin về lịch kiểm tra, đánh giá thực tế.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế

Việc kiểm tra, đánh giá thực tế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ, cụ thể như sau:

+ Sở Giao thông vận tải kiểm tra, đánh giá điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo quy định tại Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới và lập biên bản;

+ Sở Giao thông vận tải đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tham gia kiểm tra, đánh giá cơ sở đăng kiểm xe cơ giới theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy. Nội dung kiểm tra, đánh giá ghi nhận vào biên bản. Khi có tổ chức đánh giá sự phù hợp, việc kiểm tra, đánh giá được thay thế bằng kết quả đánh giá, chúng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp;

+ Tổng hợp kết quả và ghi nhận các nội dung.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

+ Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế không đạt yêu cầu: Sở Giao thông vận tải ghi rõ lý do vào biên bản gửi tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới để khắc phục các nội dung không đạt yêu cầu.

- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới; mã số cơ sở đăng kiểm (Mã số cơ sở đăng kiểm ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện là mã số được cấp trước đây.

- Khắc phục đối với trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu

+ Việc khắc phục các nội dung không đạt và việc kiểm tra, đánh giá lại được thực hiện trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có thông báo các nội dung không đạt yêu cầu. Quá thời hạn này, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thực hiện trình tự, thủ tục lại từ đầu;

+ Sau khi khắc phục các nội dung không đạt, tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm xe cơ giới gửi văn bản đề nghị kiểm tra, đánh giá lại đến Sở Giao thông vận tải. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận (theo các bước nêu trên). Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt yêu cầu, kết luận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới không đủ điều kiện hoạt động đồng thời dừng thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị theo mẫu kèm theo bản thông tin về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới;
- Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền kiểm định thể hiện đầy đủ vị trí kiểm tra, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ kiểm tra;
- Kết quả đánh giá, chứng nhận cơ sở đăng kiểm xe cơ giới phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của tổ chức đánh giá sự phù hợp (thành phần hồ sơ này được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026);
- Danh sách trích ngang nhân lực theo mẫu;
- Danh sách thiết bị kiểm tra theo mẫu;
- Tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi thông tin địa giới hành chính.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị.
- Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới:
 - + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
 - + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ).
 - + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức.

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

9.8. Phí, lệ phí: Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị;
- Mẫu Danh sách trích ngang;
- Mẫu Danh sách thiết bị;
- Mẫu Giấy chứng nhận chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật.
- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
TÊN TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
 ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**

- Kiểm định xe cơ giới** **Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy**

Kính gửi:⁽²⁾

1. Tên tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm/cơ sở đăng kiểm:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Email:
4. Đề nghị:

Cấp mới

Cấp lại

- Số giấy chứng nhận lần gần nhất:

- Lý do cấp lại: Mất Hỏng Thay đổi nội dung giấy chứng nhận

Kiểm tra, đánh giá lại

- Các nội dung đã khắc phục (theo kết luận tại biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động số):.....
⁽¹⁾ cam kết các thông tin trên là chính xác.

....., ngày tháng năm

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu...

**TỔ CHỨC THÀNH LẬP CƠ SỞ ĐĂNG
 KIỂM/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM⁽¹⁾**
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp cấp mới;

⁽²⁾ Cơ quan thực hiện kiểm tra, đánh giá.

BẢN THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

(Kèm theo Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định ngày ... tháng ... năm của ...)

| Tiêu chí phân loại | Đơn vị tính | Quy định | Theo thực tế |
|--|-------------|-----------------|--------------|
| I. Xưởng kiểm định | | | |
| 1. Đối với xưởng chỉ có 01 dây chuyền kiểm định: | | | |
| Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I (m) | m | 30 x 4 x 3,5 | |
| Kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) đối với xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II (m) | m | 36 x 5 x 4,5 | |
| 2. Đối với xưởng nhiều dây chuyền kiểm định | | | |
| Khoảng cách giữa tâm hai dây chuyền cạnh nhau | | | |
| Dây chuyền số 1 đến dây chuyền số 2: | m | ≥ 4 | |
| Dây chuyền số 2 đến dây chuyền số 3: | m | ≥ 4 | |
| Dây chuyền số ... đến dây chuyền số ...: | m | ≥ 4 | |
| Khoảng cách từ tâm 2 dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất (hoặc tới mép gần nhất công trình cố định) của xưởng kiểm định | m | $\geq 2/\geq 2$ |/..... |
| Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại I | m | 30 x 3,5 | |
| Chiều dài, chiều cao của kích thước thông xe tối thiểu đối với các dây chuyền kiểm định loại II | m | 36 x 4,5 | |
| II. Yêu cầu chung | | | |
| Khu vực dành cho xe chờ vào kiểm định và xe chờ cấp kết quả kiểm định | | Có | |
| Chiều rộng mặt đường nội bộ | m | ≥ 3 | |
| Nhà văn phòng | | Có | |
| Khoảng cách giữa cơ sở đăng kiểm xe cơ giới với cơ sở giáo dục phổ thông, bệnh viện | m | ≥ 50 | |

....⁽¹⁾ cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

**Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập
cơ sở đăng kiểm⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu)**

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Cơ sở đăng kiểm/Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm.

⁽²⁾ Tổ chức thành lập cơ sở đăng kiểm đối với trường hợp đề nghị kiểm tra, đánh giá cấp mới giấy chứng nhận.

MẪU DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NHÂN LỰC CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Số CCCD/ Số Căn cước/ Số hộ chiếu | Chức danh/ chức vụ | Số Chứng chỉ ĐKV | Kỹ luật (Có/Không/ Thời hạn) | Điện thoại | Ghi chú |
|-------------------------------|-----------|----------|---|-----------------------|---------------------|------------------------------------|------------|---------|
| I. Bộ phận lãnh đạo | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| II. Bộ phận kiểm định | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| III. Bộ phận văn phòng | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Tổ chức/Cơ sở đăng kiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THIẾT BỊ KIỂM TRA CỦA CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

| TT | Tên thiết bị | Nhãn hiệu | Số seri | Năm sản xuất | Xuất xứ | Tình trạng⁽¹⁾ | Ghi chú |
|-----------|---------------------|------------------|----------------|---------------------|----------------|---------------------------------|----------------|
| 1 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

.....ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ - Chưa qua sử dụng/đã qua sử dụng.

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**

ỦY BAN NHÂN DÂN.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI**

Số:⁽¹⁾.....

Căn cứ⁽²⁾
Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định
xe cơ giới số⁽³⁾ ... ngày ... tháng ... năm

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá điều kiện hoạt động của cơ sở đăng kiểm xe
cơ giới số⁽⁴⁾, ngày tháng năm

CHỨNG NHẬN

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới...⁽⁵⁾...

Địa chỉ:

Số lượng dây chuyền kiểm định:

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại ...

- Dây chuyền số ... Dây chuyền kiểm định loại ...

Loại phương tiện xe cơ giới được kiểm định⁽⁶⁾:

Loại phương tiện xe mô tô, xe gắn máy được kiểm định khí thải⁽⁶⁾:

Cơ sở đăng kiểm xe cơ giới có trách nhiệm duy trì các nội dung đã được kiểm tra,
đánh giá và chứng nhận./.

....., ngày tháng năm

.....

.....⁽⁷⁾
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi theo mã số hồ sơ của Phiếu kiểm soát quá trình;

⁽²⁾ Các căn cứ để cấp giấy chứng nhận;

⁽³⁾ Số hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận;

⁽⁴⁾ Số biên bản kiểm tra, đánh giá;

⁽⁵⁾ Mã số cơ sở đăng kiểm được cấp giấy chứng nhận;

⁽⁶⁾ Phương tiện được kiểm định: ghi đặc trưng của phương tiện mà cơ sở đăng kiểm được thực hiện kiểm định (xe cơ giới; xe mô tô, xe gắn máy - ghi rõ loại động cơ). Chỉ ghi nội dung được chứng nhận;

⁽⁷⁾ Chức vụ, họ và tên của người ký giấy chứng nhận.

10. Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ tại cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

** Thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ*

- Trường hợp nhận hồ sơ trực tiếp: cơ sở đăng kiểm tiến hành kiểm tra, đánh giá hồ sơ ngay trong ngày nhận được hồ sơ, cụ thể như sau:

+ Kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; trường hợp xe bị từ chối kiểm định thì lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định thì lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe;

+ Kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm: trường hợp không đầy đủ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện hồ sơ; đối với xe bị từ chối kiểm định, xe không thuộc đối tượng kiểm định, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm không đáp ứng quy định, lập thông báo gửi cho chủ xe; trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, xe thuộc đối tượng kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm, địa điểm kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm đáp ứng quy định, lập giấy hẹn lịch kiểm định gửi cho chủ xe; lập phiếu kiểm soát kiểm định; tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch.

- Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến: cơ sở đăng kiểm thực hiện như với trường hợp nhận trực tiếp nhưng trên hệ thống trực tuyến và gửi thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ hoặc lịch hẹn đưa xe đến kiểm định cho chủ xe qua hệ thống bưu chính hoặc trên hệ thống trực tuyến.

- Trường hợp xe chưa có dữ liệu trong cơ sở dữ liệu của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì cơ sở đăng kiểm lập bản xác nhận thông số kỹ thuật của xe để làm căn cứ lập hồ sơ phương tiện.

** Thực hiện kiểm tra, đánh giá xe máy chuyên dùng*

- Việc kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe máy chuyên dùng tại cơ sở đăng kiểm phải bao gồm các hạng mục kiểm tra, đối chiếu theo quy định tại Quy chuẩn về xe máy chuyên dùng. Kết quả kiểm định được thể hiện trên phiếu kiểm định xe máy chuyên dùng.

- Việc kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe máy chuyên dùng ngoài cơ sở đăng kiểm phải được thực hiện theo Quy chuẩn về xe máy chuyên dùng. Đối với các xe máy chuyên dùng có yêu cầu kiểm tra hiệu quả phanh trên đường thì tiến hành kiểm tra, ghi nhận kết quả vào phiếu và đính kèm cùng với phiếu kiểm định xe máy chuyên dùng khi kết thúc kiểm tra.

- Cơ sở đăng kiểm thực hiện chụp ảnh xe máy chuyên dùng tại địa điểm thực hiện kiểm định, đảm bảo ảnh chụp có độ phân giải tối thiểu 1280x720 pixels, rõ nét, thể hiện thời gian thực khi chụp (gồm ngày, tháng, năm, giờ, phút chụp ảnh).

- Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt đối với trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm:

+ Trường hợp xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm lập thông báo kết quả kiểm tra đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá;

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày, cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; đối với xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm tra, đánh giá ở các hạng mục liên quan đến hệ thống phanh, hệ thống lái, đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ các hạng mục thuộc hệ thống phanh, hệ thống lái. Trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc tại cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại từ đầu trình tự, thủ tục kiểm định.

+ Trường hợp xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, dán tem kiểm định; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

- Cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định hoặc thông báo kết quả không đạt đối với trường hợp kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm

+ Trường hợp xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu: cơ sở đăng kiểm lập thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá, nhập nội dung không đạt vào phần mềm quản lý kiểm định để cảnh báo ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp thực hiện kiểm định lại ngay trong ngày cơ sở đăng kiểm chỉ kiểm tra, đánh giá lại các hạng mục không đạt trước đó; trường hợp kiểm định lại vào ngày khác hoặc bởi cơ sở đăng kiểm khác thì tiến hành lại trình tự, thủ tục kiểm định.

+ Trường hợp xe máy chuyên dùng có kết quả kiểm định đạt yêu cầu: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra, cơ sở đăng kiểm cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định; thực hiện việc gỡ cảnh báo kiểm định không đạt đối với trường hợp có cảnh báo về kết quả kiểm định không đạt trước đó ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

Trường hợp xe chỉ có giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe, cơ sở đăng kiểm cấp tem kiểm định và giấy hẹn trả giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe và chỉ thực hiện cấp giấy chứng nhận kiểm định sau khi chủ xe xuất trình giấy tờ về đăng ký xe.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống trực tuyến.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp kiểm định lần đầu

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

+ Bản chà số khung, số động cơ của xe;

+ Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước);

+ Bản chính giấy chứng nhận cải tạo của xe (đối với xe cải tạo).

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

* Trường hợp kiểm định định kỳ

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm (đối với trường hợp chủ xe có đề nghị);

+ Bản chà số khung, số động cơ của xe (đối với xe có thay đổi số khung, số động cơ).

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính) đối với: thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên; thiết bị nâng người có

chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m); xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

* Trường hợp kiểm định đối với xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời

- Xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ: xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

- Xe nhập khẩu (không thuộc trường hợp: xe sản xuất, lắp ráp trong nước, xe thuộc đối tượng nghiên cứu, phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ): xuất trình bản chính chứng nhận đăng ký xe tạm thời và nộp bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;

- Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:

+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định.

+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.

- Thời hạn trả kết quả:

+ Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá;

+ Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;

- Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;
- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

10.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định.
- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị kiểm định ngoài cơ sở đăng kiểm;
- Mẫu Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá;
- Mẫu Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định;
- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Xe máy chuyên dùng đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn về xe máy chuyên dùng.

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;
- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ

trường Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ KIỂM ĐỊNH NGOÀI CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

Căn cứ Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Người đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Email:.....

Đề nghị cơ sở đăng kiểm (mã số) đến kiểm định cho các phương tiện được liệt kê ở bảng sau:

| STT | Biển số | Số khung | Số máy | Ngày hết hạn kiểm định |
|-----|-----------|----------|--------|------------------------|
| 1 | 29C-12345 | | | |
| 2 | | | | |

Đường kiểm tra phanh⁽¹⁾:

Thời gian kiểm định:

Địa điểm kiểm định:

....., ngày... tháng... năm

Người đề nghị
(ký và ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾Người đề nghị mô tả thông tin về đường kiểm tra phanh gồm: chiều dài, chiều rộng, loại mặt đường.

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Về nội dung: Tiếp nhận hồ sơ Kiểm tra, đánh giá hồ sơ
 Kiểm tra, đánh giá xe Kiểm định xe

Kính gửi chủ xe:

I. Thông tin về hồ sơ/phương tiện⁽¹⁾:

.....

II. Nội dung đề nghị bổ sung, khắc phục/Nội dung không đạt⁽²⁾:

.....

III. Thông tin khác: ⁽³⁾:

.....

IV. Kết quả kiểm tra, đánh giá: Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

1. Thời gian trả kết quả kiểm tra, đánh giá hồ sơ:.....

2. Thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá xe cải tạo:.....

.....

Cơ sở đăng kiểm thông báo để chủ xe
 được biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu ...

....., ngày tháng ... năm ...

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

⁽¹⁾ Ghi biển số hoặc số khung trong trường hợp kiểm định; ghi ký hiệu thiết kế trong trường hợp cải tạo;

⁽²⁾ Ghi rõ nội dung, hạng mục kiểm định hoặc kiểm tra, đánh giá hồ sơ không đạt;

⁽³⁾ Ghi trường hợp xe bị từ chối kiểm định, xe đã được miễn kiểm định lần đầu, điều kiện đường thử phanh không đáp ứng.

**MẪU GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH (DÙNG CHO XE
CHỈ CÓ GIẤY HẸN CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE)**

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

GIẤY HẸN TRẢ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Biển số:

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được cấp miễn kiểm định lần đầu

Chiếc xe có biển số nêu trên đã được kiểm định và đáp ứng quy định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

Thông tin cơ bản của xe như sau:

- Khối lượng bản thân: (kg)

- Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất: (kg)

- Khối lượng kéo theo cho phép lớn nhất: (kg)

- Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất: (kg)

- Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm:

Ngay sau khi có giấy tờ về đăng ký xe (trừ giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký) thì chủ xe mang tới cơ sở đăng kiểm địa chỉ để nhận Giấy chứng nhận kiểm định.

....., ngàytháng... năm...

Đại diện cơ sở đăng kiểm
(ký tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

| | |
|--|---|
| <p>CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i></p> <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.</p> <p><i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.</p> <p><i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện, chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.</p> <p><i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.</p> <p><i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, đồng cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.</p> <p><i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.</p> <p><i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <p>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register</p> <p>No: AA</p> <p>CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DỤNG</p> <p>PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> <p>Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện:</p> <p><i>(Registration plate) (Vehicle inspection No)</i></p> <p>Loại XMCD (TCM's type):</p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại: /</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại (Model code):</p> <p>Số động cơ (Engine No):</p> <p>Số khung (Chassis No):</p> <p>Năm / Nước sản xuất: /</p> <p><i>(Production year / Country)</i></p> <p>Có cải tạo (Modification): <input type="checkbox"/></p> |
|--|---|

| | |
|---|---|
| <p>1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specifications)</p> <p>Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg)</p> <p>Khối lượng toàn bộ (Gross mass): (kg)</p> <p>Kích thước bao (Overall Dimensions): (mm)</p> <p>Loại động cơ đốt trong (Engine type):</p> <p>- Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i></p> <p>- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): (kW/rpm)</p> <p>- Loại nhiên liệu (Fuel):</p> <p>- Loại động cơ điện (Motor type):</p> <p>- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:</p> <p><i>(Number of motors, motor model)</i></p> <p>- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i></p> <p>- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i></p> <p>Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max. travelling speed): (km/h)</p> <p>2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specifications)⁽¹⁾</p> | <p>Ngày / Địa điểm kiểm định:</p> <p><i>(Inspection Date / Site)</i></p> <p>Số biên bản kiểm định:</p> <p><i>(Inspection Report No)</i></p> <p>..... ngày tháng năm</p> <p><i>(Issued on: Day/Month/Year)</i></p> <p>CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER)</p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày:</p> <p><i>(Valid until):</i></p> <p>Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</p> <p><i>(Image Position of TCM)</i></p> <p>PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú (Notes):⁽²⁾</p> <p>.....⁽³⁾</p> |
|---|---|

1. Mẫu Giấy chứng nhận

Chú thích:

⁽¹⁾: Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư

quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

⁽²⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽³⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.



2. Tem kiểm định

Chú thích:

⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

⁽²⁾: In biển số xe được cấp tem kiểm định;

⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

11. Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

- Chủ xe nộp hồ sơ đến Cơ sở đăng kiểm.

b) Giải quyết TTHC:

- Tiếp nhận hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp không đầy đủ hướng dẫn chủ xe bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp đầy đủ, lập phiếu tiếp nhận hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo.

- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (trừ các trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định khoản 5 Điều 20 Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT), cơ sở đăng kiểm thực hiện như sau:

+ Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo đáp ứng theo quy định và nội dung thiết kế phù hợp các quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe thông tin về thời gian và địa điểm kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo;

+ Trường hợp nội dung hồ sơ thiết kế cải tạo không đủ nội dung theo quy định, hoặc có nội dung không phù hợp với các quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, cơ sở đăng kiểm lập thông báo gửi cho chủ xe ghi rõ nội dung cần bổ sung, sửa đổi. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo, chủ xe có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế cải tạo; khi nhận được hồ sơ thiết kế bổ sung, sửa đổi, cơ sở đăng kiểm thực hiện kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo theo quy định tại điểm a khoản này; quá thời hạn trên, thủ tục chứng nhận được thực hiện lại từ đầu.

- Kiểm tra, đánh giá thực tế xe cải tạo

+ Đối với xe cải tạo phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế, cơ sở đăng kiểm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá xe cải tạo theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn quốc gia về kiểm định xe cơ giới, kiểm tra, đánh giá các hạng mục cải tạo của xe đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; lập biên bản kiểm tra, đánh giá.

+ Đối với xe cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ, cơ sở đăng kiểm thực hiện việc kiểm tra, đánh giá xe cải tạo theo Quy chuẩn quốc gia về kiểm định xe cơ giới, đảm bảo các hạng mục cải tạo của xe đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới; lập biên bản kiểm tra, đánh giá.

- Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế
- + Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu: cấp giấy chứng nhận cải tạo đồng thời cấp giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định cho xe;
- + Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu: lập thông báo. Chủ xe được khắc phục các nội dung không đạt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo; quá thời hạn nêu trên, chủ xe không khắc phục hoặc kết quả kiểm tra, đánh giá lại không đạt, thực hiện thủ tục lại từ đầu.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống trực tuyến.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

* *Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe cơ giới cải tạo (trừ xe mô tô, xe gắn máy)*

- Giấy tờ phải nộp
- + Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;
- + Hồ sơ thiết kế cải tạo;
- + Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo; ảnh chụp kết cấu khung xương ở trạng thái chưa bọc vật liệu phủ của xe cơ giới đối với các trường hợp: cải tạo toàn bộ buồng lái, thân xe, khoang chở khách của xe chở người, cải tạo lắp mới thùng xe tải thành xe tải thùng kín (có hai mặt của vách thùng xe được bọc kín), xe tải bảo ôn, xe tải đông lạnh;
- + Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu;
- + Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo theo mẫu;
- + Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo;
- + Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế theo mẫu đối với trường hợp xe cơ giới cải tạo được sử dụng chung hồ sơ thiết kế;
- + Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường (trừ các trường hợp: Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe);
- + Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường

hợp người đi làm thủ tục chứng nhận cải tạo không phải là chủ sở hữu.

Các giấy tờ: Hồ sơ thiết kế cải tạo; Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo; Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo; Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo; Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo; Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế không áp dụng đối với trường hợp xe cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo.

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

** Hồ sơ đề nghị chứng nhận Xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) có: khối lượng bản thân; kết cấu, kích thước thùng hàng; kích thước bao của xe khác với giấy chứng nhận kiểm định lần gần nhất trước ngày 01/01/2025*

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;

+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;

+ Văn bản chấp thuận sử dụng chung hồ sơ thiết kế xe cơ giới của cơ sở thiết kế theo mẫu đối với trường hợp xe cơ giới cải tạo được sử dụng chung hồ sơ thiết kế;

+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường (trừ các trường hợp: Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô; Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe);

+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận cải tạo không phải là chủ sở hữu.

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản

chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000 (kg) trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

** Hồ sơ đề nghị chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo; xe mô tô, xe gắn máy cải tạo*

- Giấy tờ phải nộp

+ Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo theo mẫu;

+ Hồ sơ thiết kế cải tạo;

+ Ảnh chụp tại xưởng của cơ sở cải tạo gồm: 01 ảnh chụp tổng thể được chụp chéo góc khoảng 45 độ phía trước, 01 ảnh chụp chéo góc khoảng 45 độ phía sau góc đối diện của xe cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo;

+ Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo (bản chính hoặc bản điện tử) của cơ sở cải tạo xe theo mẫu;

+ Bảng kê các hệ thống, tổng thành của xe cải tạo theo mẫu;

+ Các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe trước cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo; tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành của xe sử dụng để cải tạo;

+ Bản chính phiếu cân khối lượng bản thân và phân bố khối lượng bản thân lên các trục (không áp dụng với xe máy chuyên dùng) của xe sau cải tạo được thực hiện bởi tổ chức đáp ứng quy định về pháp luật đo lường;

+ Giấy ủy quyền của chủ sở hữu xe theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người đi làm thủ tục chứng nhận xe cải tạo không phải là chủ sở hữu.

- Giấy tờ phải xuất trình

+ Giấy tờ về đăng ký xe gồm một trong các giấy tờ sau: bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính chứng nhận đăng ký xe; bản chính giấy hẹn cấp chứng nhận đăng ký xe;

+ Giấy chứng nhận kết quả kiểm định còn hiệu lực (bản sao hoặc bản điện tử) đối với thiết bị nâng hàng có sức nâng theo thiết kế từ 1.000kg trở lên, thiết bị nâng người có chiều cao nâng lớn nhất lớn hơn 2,0 (m) xi téc chở khí hóa lỏng, khí dầu mỏ hóa lỏng, khí thiên nhiên nén hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 (bar) hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 (bar) theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định);

- Cấp Giấy chứng nhận:

+ Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.

+ Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân.

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đăng kiểm;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

- Giấy chứng nhận cải tạo;

- Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định.

11.8. Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Mẫu Văn bản đề nghị chứng nhận cải tạo;

- Mẫu Bảng kê các hệ thống, tổng thành thay thế của xe cải tạo;

- Mẫu Giấy chứng nhận cải tạo;

- Mẫu Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đã được cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe hoặc xe đã qua sử dụng được nhập khẩu có sự thay đổi đặc điểm dẫn đến thay đổi về kiểu loại xe theo quy định về sản phẩm cùng kiểu loại của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phải thực hiện thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (sau đây viết tắt là chứng nhận cải tạo).

- Khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất của xe cải tạo không vượt quá giá trị khối lượng toàn bộ theo thiết kế của nhà sản xuất xe (khối lượng toàn bộ của xe trước cải tạo), giá trị phân bố của khối lượng toàn bộ cho phép lớn nhất lên các trục không vượt quá tải trọng trục lớn nhất của nhà sản xuất và quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Trường hợp cải tạo động cơ thì động cơ cải tạo phải có giá trị công suất lớn nhất theo công bố của nhà sản xuất động cơ nằm trong khoảng từ 90% đến 120% so với giá trị công suất lớn nhất của động cơ theo thiết kế của nhà sản xuất xe.

- Các trường hợp cải tạo xe cơ giới phải được thiết kế và thi công bởi nhà sản xuất xe hoặc đại diện ủy quyền hợp pháp của nhà sản xuất gồm:

+ Cải tạo thay đổi kích cỡ lốp, số trục và vết bánh xe của xe cơ giới;

+ Cải tạo thay đổi khoảng cách giữa các trục của xe cơ giới;

+ Cải tạo thay thế khung xe; cải tạo nối dầm sát xi;

+ Cải tạo các hệ thống phanh, hệ thống treo và hệ thống lái của xe cơ giới (trừ trường hợp: cải tạo lắp đặt hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ trên xe tập lái, xe sát hạch lái xe; cải tạo đề cung cấp năng lượng và điều khiển hệ thống phanh của rơ moóc, sơ mi rơ moóc; cải tạo các cơ cấu điều khiển và ghế ngồi phù hợp với chức năng vận động của người khuyết tật điều khiển xe).

- Xe cải tạo phải lập hồ sơ thiết kế, trừ các trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế cải tạo sau đây:

+ Xe được lắp đặt, thay thế hoặc tháo bỏ bàn đạp phanh phụ bằng cách liên kết với bàn đạp phanh chính thông qua một thanh đòn dẫn động cơ khí của ô tô;

+ Xe ô tô PICKUP được lắp đặt hoặc thay thế, tháo bỏ nắp che khoang chở hàng, hành lý làm thay đổi kích thước lòng thùng hàng vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe;

+ Xe được tháo bỏ hệ thống cung cấp nhiên liệu sử dụng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) hoặc khí thiên nhiên nén (CNG) cho động cơ của xe đối với xe cơ giới đã cải tạo lắp đặt thêm hệ thống cung cấp nhiên liệu (LPG, CNG) trở về chỉ sử dụng hệ thống cung cấp nhiên liệu của ô tô trước khi cải tạo hệ thống cung cấp nhiên liệu;

+ Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con tuân thủ hướng dẫn của nhà sản xuất mà không làm thay đổi chiều rộng toàn bộ của xe;

- + Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ bơm, thùng dầu và hệ thống đường ống thủy lực của ô tô đầu kéo để dẫn động cho hệ thống nâng hạ thùng hàng của sơ mi rơ moóc tải tự đổ;
- + Xe được thay đổi số lượng, vị trí, kết cấu cửa xếp dỡ hàng hóa của thùng hàng hoặc vật liệu bọc, lót thùng hàng của ô tô, rơ moóc, sơ mi rơ moóc vượt quá sai số cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe;
- + Xe được lắp thêm hoặc tháo bỏ hoặc thay thế thiết bị nâng hạ hàng hóa của thùng hàng của xe ô tô đã có giấy chứng nhận kiểm định an toàn của cơ quan có thẩm quyền;
- + Xe được lắp, thay thế hoặc tháo bỏ mui gió trên nóc ca bin ô tô đầu kéo;
- + Xe có thay đổi về khối lượng bản thân, khối lượng hàng chuyên chở khác với chứng nhận đăng ký xe nhưng có các thông số kỹ thuật và hình ảnh phù hợp với giấy chứng nhận kiểm định được cấp ở lần gần nhất.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy;
- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;
- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;
- Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN XE CẢI TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng..... năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN XE CẢI TẠO

- Xe cơ giới Xe máy chuyên dùng Xe mô tô, xe gắn máy
 Làn đầu Kiểm tra, đánh giá lại xe Kiểm tra, đánh giá lại hồ sơ

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm (mã số)

(Chủ xe):

Địa chỉ:

Đề nghị cơ sở đăng kiểm chứng nhận xe cải tạo như sau:

1. Đặc điểm xe trước cải tạo:

- Biên số đăng ký (nếu đã được cấp):
- Số khung:
- Số động cơ:
- Nhãn hiệu - số loại:

2. Căn cứ đề nghị kiểm tra, đánh giá:

- Hồ sơ thiết kế có ký hiệu của cơ sở thiết kế
- Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số ngày /.../.... của cơ sở cải tạo.....

3. Nội dung thi công cải tạo:

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe)

(Chủ xe) xin cam kết và chịu trách nhiệm về chiếc xe có thông tin tại Mục 1 nêu trên đã được thi công cải tạo đúng với thiết kế và đạt yêu cầu.

Chủ xe
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn ghi:

Trường hợp miễn thiết kế, tại mục 2, chủ phương tiện khai báo phương tiện thuộc đối tượng miễn lập hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo và cam kết chịu trách nhiệm về phương tiện đã được thi công đảm bảo đúng quy định và đạt yêu cầu.

MẪU BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ

(CƠ SỞ CẢI TẠO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày thángnăm

BẢNG KÊ CÁC HỆ THỐNG, TỔNG THÀNH THAY THẾ

Kính gửi:

Biên số đăng ký:

Nhãn hiệu/Tên thương mại:

Mã kiểu loại:

Số khung:

Số động cơ:

Ký hiệu thiết kế:

| TT | Tổng thành, hệ thống | Nguồn gốc | | | Nơi sản xuất ⁽²⁾ | Số giấy chứng nhận ⁽³⁾ | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|-------------|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|---------|
| | | Nhập khẩu | Tự sản xuất | Mua trong nước ⁽¹⁾ | | | |
| 1. | Động cơ | | | | | | |
| 1.1 | ... | | | | | | |
| 2. | Hệ thống lái | | | | | | |
| 3. | Hệ thống phanh | | | | | | |
| 3.1 | Bình khí nén | | | | | | |

| | | | | | | | |
|--|---------------------------|--|--|--|--|--|--|
| 3.2 | ... | | | | | | |
| 4. Hệ thống điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu | | | | | | | |
| 4.1 | Đèn chiếu sáng phía trước | | | | | | |
| 4.2 | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu.

....., ngày.... tháng năm.....

Cơ sở cải tạo

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Đối với trường hợp sử dụng lại động cơ của xe đã qua sử dụng thì ghi rõ biển số/số khung của xe tháo động cơ để sử dụng.
- (2) Phụ tùng nhập khẩu ghi nước sản xuất; phụ tùng mua trong nước ghi rõ tên và địa chỉ cơ sở sản xuất.
- (3) Áp dụng với chi tiết, hệ thống, tổng thành phải có giấy chứng nhận.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI TẠO**Mẫu số 01. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)****CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:⁽¹⁾.....**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:

ngày

.../.../.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số:

ngày

.../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

.....

.....

CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT⁽²⁾

| S | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Xe cơ giới trước cải tạo | Xe cơ giới sau cải tạo |
|---|--|--------|---|---|
| 1 | Loại phương tiện | --- | | |
| 2 | Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường | --- | <input type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Có |
| 3 | Cho phép tự động hóa điều khiển | --- | <input type="checkbox"/> Một phần <input type="checkbox"/> Toàn phần | <input type="checkbox"/> Một phần <input type="checkbox"/> Toàn phần |

| | | | | |
|-----|---|-------|--|--|
| 4 | Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao) | mm | | |
| 5 | Khoảng cách trục | mm | | |
| 6 | Vết bánh xe (trước/sau) | mm | | |
| 7 | Khối lượng bản thân | kg | | |
| 8 | Số người cho phép chở (ngồi/đứng/nằm): (không bao gồm người lái) | người | | |
| 9 | Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông | kg | | |
| 10 | Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông | kg | | |
| 11 | Động cơ | | | |
| ... | <i>Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới nếu có thay đổi do cải tạo</i> | | | |

Xe cơ giới đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

⁽¹⁾ Ghi số giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXCG. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXCG.

⁽²⁾ Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe cơ giới và điền vào bảng.

Mẫu số 02. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe máy chuyên dùng**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
(MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.....⁽¹⁾.....**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số:

ngày

.../.../.....

Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT & BVMT xe cải tạo số:

ngày

.../.../.....

NỘI DUNG CẢI TẠO

.....

.....

.....

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ⁽²⁾

| STT | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Xe máy chuyên dùng trước cải tạo | Xe máy chuyên dùng sau cải tạo |
|-----|-----------------------------------|--------|----------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Loại phương tiện | | | |
| 2 | Kích thước bao (dài x rộng x cao) | mm | | |
| 3 | Ký hiệu/loại động cơ | | | |
| 4 | Công suất lớn nhất/tốc độ quay | kW/rpm | | |
| 5 | Khối lượng bản thân | kg | | |

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG

| STT | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Xe máy chuyên dùng trước cải tạo | Xe máy chuyên dùng sau cải tạo |
|-----|-------------------|--------|----------------------------------|--------------------------------|
| 1 | | | | |

Xe máy chuyên dùng đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi :

⁽¹⁾ Ghi số giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMD. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMD.

⁽²⁾ Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe máy chuyên dùng và điền vào bảng.

Mẫu số 03. Mẫu giấy chứng nhận cải tạo xe mô tô, xe gắn máy**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (MÃ SỐ)****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số:.....⁽¹⁾**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY CẢI TẠO**

Biển số đăng ký:

Nhãn hiệu/số loại:

Số khung:

Số động cơ:

Nước/năm sản xuất:

Chủ xe:

Địa chỉ chủ xe:

Cơ sở thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thi công cải tạo:

Biên bản kiểm tra, đánh giá xuất xưởng xe cải tạo số: ngày
.../.../.....Biên bản kiểm tra, đánh giá ATKT &BVMT xe cải tạo số: ngày
.../.../.....**NỘI DUNG CẢI TẠO**.....
.....
.....**THÔNG SỐ KỸ THUẬT ⁽²⁾**

| S | Thông số kỹ thuật | Đơn vị | Xe mô tô, xe gắn máy trước cải tạo | Xe mô tô, xe gắn máy sau cải tạo |
|---|-----------------------------------|--------|---|--|
| 1 | Loại phương tiện | | | |
| 2 | Kích thước bao (dài x rộng x cao) | mm | | |
| 3 | Chiều dài cơ sở | mm | | |
| 4 | Khối lượng bản thân | kg | | |
| 5 | Số người cho phép chở | người | | |
| 6 | Khối lượng toàn bộ | kg | | |
| 7 | Động cơ | | | |

| | | | | |
|-------|--|--|--|--|
| | <i>Các thông số kỹ thuật khác của xe mô tô, xe gắn máy nếu có thay đổi</i> | | | |
|-------|--|--|--|--|

Xe mô tô, xe gắn máy đã được chứng nhận cải tạo đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

....., ngàytháng năm

Đại diện cơ sở đăng kiểm

(ký tên, đóng dấu)


Hướng dẫn ghi :

⁽¹⁾ Ghi số giấy chứng nhận xe mô tô, xe gắn máy cải tạo, cách ghi như sau: mã số cơ sở đăng kiểm- số thứ tự/năm/CNXMM. Ví dụ: 2905V-0026/2025/CNXMM.

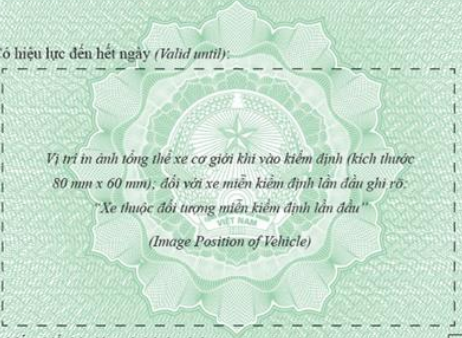
⁽²⁾ Ghi tóm tắt nội dung cải tạo chính của xe mô tô, xe gắn máy và điền vào bảng.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH, TEM KIỂM ĐỊNH

Mẫu số 01. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu xanh lá cây dùng cho xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường

| | |
|---|--|
| <p style="text-align: center;">CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i></p> <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm. <i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả. <i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện, chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ. <i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không cải tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ báo quãng đường đã chạy, cầu, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ. <i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định. <i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. <i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <div style="text-align: center;">  <p>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register</p> <p>No: (số seri)</p> <p>CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI</p> <p>PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> </div> <p>Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện:</p> <p><i>(Registration plate) (Vehicle inspection N°)</i></p> <p>Nhóm phương tiện (Vehicle's group):</p> <p>Loại phương tiện (Vehicle's type):</p> <p>Sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường: <input type="checkbox"/></p> <p><i>(Clean, green energy vehicle)</i></p> <p>Cho phép tự động hóa (Allows automation): <input type="checkbox"/> Một phần (Partially) <input type="checkbox"/> Toàn phần (Fully)</p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại:</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại (Model code):</p> <p>Số động cơ (Engine N°):</p> <p>Số khung (Chassis N°):</p> <p>Năm / Nước sản xuất: / Niên hạn sử dụng:</p> <p><i>(Production year / Country) (Lifetime Limit to)</i></p> <p>Có kinh doanh vận tải (Commercial use): <input type="checkbox"/> Có cải tạo (Modification): <input type="checkbox"/></p> |
|---|--|

1. Mẫu Giấy chứng nhận kiểm định

| | |
|--|--|
| <p style="text-align: center;">THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)</p> <p>Công thức bánh xe: Vết bánh xe: (mm) <i>(Wheel formula) (Wheel tread)</i></p> <p>Kích thước bao (Overall dimensions): (mm)</p> <p>Kích thước lòng/bao thùng xe/bao ngoài xi téc: (mm) <i>(Inside/outside dimensions of cargo deck/outside dimensions of tank)</i></p> <p>Khoảng cách trục (Wheel base): (mm)</p> <p>Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg)</p> <p>Khối lượng hàng CC theo TK/CP LN: (kg) <i>(Design/Authorized cargo pay mass)</i></p> <p>Khối lượng kéo theo TK/CP LN: (kg) <i>(Design/Authorized towed mass)</i></p> <p>Khối lượng toàn bộ theo TK/CP LN: (kg) <i>(Design/Authorized total mass)</i></p> <p>Số người cho phép chở: chỗ ngồi: chỗ đứng: chỗ nằm: <i>(Permissible No of pers carried, not include driver: seating standing lying)</i></p> <p>Loại động cơ đốt trong (Engine type):</p> <p>Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i></p> <p>- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output rpm): (kW/rpm)</p> <p>- Loại nhiên liệu (Fuel):</p> <p>Loại động cơ điện (Motor type):</p> <p>- Số lượng, ký hiệu động cơ điện:</p> <p><i>(Number of motors, motor model)</i></p> <p>- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i></p> <p>- Loại ắc quy/điện áp-đựng lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i></p> <p>Ng: (số seri)</p> | <p>Số lượng lốp/cỡ lốp/trục (The number of tires / tire size / axle): ngày tháng năm <i>(Issued on: Day/Month/Year)</i></p> <p style="text-align: center;">CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM (INSPECTION CENTER)</p> <p>Số phiếu kiểm định <i>(Inspection report N°)</i></p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until):</p> <div style="text-align: center; border: 1px dashed black; padding: 10px;">  <p><i>Vị trí in ảnh lòng thép xe cơ giới khi vào kiểm định (kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ: "Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</i></p> <p><i>(Image Position of Vehicle)</i></p> </div> <p>Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with tachograph) <input type="checkbox"/></p> <p>Có lắp thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe (Equipped with camera) <input type="checkbox"/></p> <p>PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú (Notes): (1)</p> <p>xxxxxxx (2)</p> |
|--|--|

Chú thích:

(1): Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

(2): Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Mẫu Tem kiểm định**Chú thích:**

(1): In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

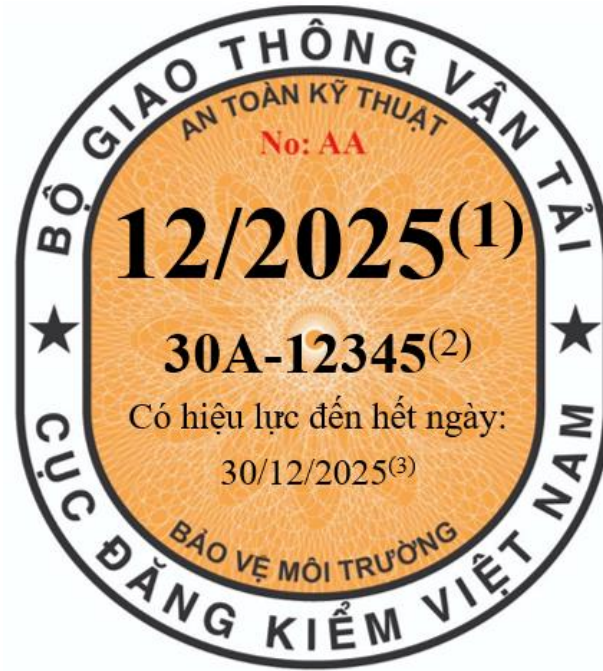
(2): In biển số xe được cấp tem kiểm định;

(3): In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽²⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.

2. Tem kiểm định**Chú thích:**

⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;

⁽²⁾: In biên số xe được cấp tem kiểm định;

⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.

Mẫu số 03. Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định màu tím hồng dùng cho xe máy chuyên dùng

| | |
|--|---|
| <p align="center">CHỦ XE, LÁI XE CẦN BIẾT <i>Vehicle owners, drivers should be aware of the followings:</i></p> <p>1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Chứng nhận kiểm định. Nộp lại Chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Cơ sở đăng kiểm.</p> <p><i>Vehicle operators must carry the inspection certificate while in traffic. Return the inspection certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Centers.</i></p> <p>2. Không sử dụng Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bị sửa chữa, tẩy xóa nội dung và làm giả.</p> <p><i>Do not use inspection certificates or inspection stickers that have been altered, erased, or forged.</i></p> <p>3. Phải bảo dưỡng, sửa chữa để bảo đảm duy trì tình trạng kỹ thuật của phương tiện; chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với hành vi đưa phương tiện không bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ.</p> <p><i>Perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition; legally liable for operating a vehicle that fails to meet technical safety and environmental protection requirements to participate in road traffic.</i></p> <p>4. Không cài tạo trái phép; cố ý can thiệp làm sai lệch chỉ số trên đồng hồ bảo quản đường đã chạy, đồng hồ báo thời gian đã làm việc; cắt, hàn, tẩy xóa, đục sửa, đóng lại trái phép số khung, số động cơ.</p> <p><i>Do not conduct unauthorized vehicle modifications; intentionally alter the odometer, hour meter gauge; or illegally cut, weld, erase, tamper with, or re-stamp the chassis number or engine number.</i></p> <p>5. Không tự ý can thiệp, thay đổi phần mềm điều khiển của xe, động cơ của xe đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhằm mục đích gian lận kết quả kiểm định; Không thuê, mượn phụ tùng chỉ để thực hiện việc kiểm định.</p> <p><i>Do not independently interfere with or alter the vehicle's control software or engine registered with regulatory authorities to manipulate inspection results; do not rent or borrow parts solely for inspection purposes.</i></p> <p>6. Chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định không còn hiệu lực khi xe bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.</p> <p><i>The inspection certificate and inspection sticker are no longer valid if the vehicle is involved in a traffic accident to the extent that it no longer meets technical safety and environmental protection requirements.</i></p> | <div style="text-align: center;">  <p>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM MOT – Vietnam Register</p> <p>No: AA</p> <p>CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DỤNG</p> <p>PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE OF TRANSPORT CONSTRUCTION MACHINERY - TCM FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS</p> </div> <p>Biển đăng ký: Số quản lý phương tiện:</p> <p><i>(Registration plate) (Vehicle inspection No)</i></p> <p>Loại XMCD (TCM's type):</p> <p>Nhãn hiệu, tên thương mại: /</p> <p><i>(Trademark, Commercial name)</i></p> <p>Mã kiểu loại (Model code):</p> <p>Số động cơ (Engine No):</p> <p>Số khung (Chassis No):</p> <p>Năm / Nước sản xuất: /</p> <p><i>(Production year / Country)</i></p> <p>Có cải tạo (Modification): <input type="checkbox"/></p> |
|--|---|

| | |
|--|--|
| <p>1. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN (Major technical specifications)</p> <p>Khối lượng bản thân (Kerb mass): (kg)</p> <p>Khối lượng toàn bộ (Gross mass): (kg)</p> <p>Kích thước bao (Overall Dimensions): (mm)</p> <p>Loại động cơ đốt trong (Engine type):</p> <p>- Ký hiệu: Thể tích làm việc: (cm³) <i>(Engine model) (Engine displacement)</i></p> <p>- Công suất lớn nhất/tốc độ quay (Max output/rpm): (kW/rpm)</p> <p>- Loại nhiên liệu (Fuel):</p> <p>- Loại động cơ điện (Motor type):</p> <p>- Số lượng, ký hiệu động cơ điện: <i>(Number of motors, motor model)</i></p> <p>- Điện áp/ Tổng công suất của động cơ điện: (V/kW) <i>(Voltage/ Total rated power of motor)</i></p> <p>- Loại ắc quy/điện áp-dung lượng: (V-Ah) <i>(Type of battery/voltage-capacity)</i></p> <p>Vận tốc di chuyển lớn nhất (Max. travelling speed): (km/h)</p> <p>2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG (Special technical specifications)⁽¹⁾</p> | <p>Ngày / Địa điểm kiểm định:</p> <p><i>(Inspection Date / Site)</i></p> <p>Số biên bản kiểm định:</p> <p><i>(Inspection Report No)</i></p> <p align="center">..... ngày tháng năm..... <i>(Issued on: Day/Month/Year)</i></p> <p align="center">CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM <i>(INSPECTION CENTER)</i></p> <p>Có hiệu lực đến hết ngày:</p> <p><i>(Valid until):</i></p> <div style="border: 1px dashed black; padding: 10px; text-align: center;"> <p><i>Vị trí in ảnh tổng thể xe máy chuyên dùng</i> <i>(kích thước 80 mm x 60 mm); đối với xe miễn kiểm định lần đầu ghi rõ:</i> <i>"Xe thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu"</i></p> <p><i>(Image Position of TCM)</i></p> </div> <p>PT không được cấp Tem kiểm định (Vehicle not issued with inspection stamp) <input type="checkbox"/></p> <p>Ghi chú (Notes):⁽²⁾</p> <p>.....⁽³⁾</p> |
|--|--|

1. Mẫu Giấy chứng nhận

Chú thích:

⁽¹⁾: Được ghi nhận theo từng loại xe máy chuyên dùng theo quy định tại Thông tư quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu;

⁽²⁾: Ghi chú các nội dung có trên giấy chứng nhận hoặc dữ liệu cấp cho xe máy chuyên

dùng trong sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu; ghi chú khác (nếu có);

⁽³⁾: Dãy số được in tự động từ phần mềm quản lý kiểm định.



2. Tem kiểm định

Chú thích:

- ⁽¹⁾: In thời hạn tháng/năm hết hiệu lực;
- ⁽²⁾: In biển số xe được cấp tem kiểm định;
- ⁽³⁾: In thời hạn ngày/tháng/năm hết hiệu lực.